

DỰ ÁN VẬN HÀNH KHU CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ HÒN ME

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THỰC VẬT

**(KHU VỰC HÒN ME, HÒN ĐẤT, HÒN QUÉO
XÃ THỔ SƠN, HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG)**



Tháng 06 năm 2015

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THỰC VẬT

**(KHU VỰC HÒN ME, HÒN ĐẤT, HÒN QUẾO
XÃ THỔ SƠN, HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG)**



Người thực hiện: Phạm Đoàn Quốc Vương
Trợ lý bảo tồn tổ chức Cứu hộ động vật hoang dã-WAR

Tháng 06 năm 2015

MỞ ĐẦU

Ba Hòn (Hòn Đất, Hòn Me, Hòn Quéo) là địa danh thuộc địa giới hành chính xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, cách trung tâm Thành phố Rạch Giá khoảng 40km về hướng Tây Tây Bắc. Hiện tại Tổ chức Bảo vệ Động vật hoang dã (Wildlife At Risk) đang thực hiện “Dự án Khu cứu hộ động vật hoang dã Hòn Me” đặt trên núi Hòn Me.

Mục đích của việc điều tra thành phần thực vật khu vực Ba Hòn thuộc huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, nhằm tìm hiểu nguồn cây bản địa còn sót lại trong khu vực Ba Hòn và có thể sử dụng hỗ trợ cho công tác cứu hộ động vật hoang dã. Ví dụ như trái Cò ke (*Grewia tomentosa*) là một loại thức ăn của loài Culi (*Nycticebus pygmaeus*) hay các trái Hồ nho nhện, Nho rừng (*Ampelocissus arachnoidea*), lá Keo bình linh (*Leucaena leucocephala*) có thể cung cấp thêm thức ăn cho Vượn (*Nomascus gabriella*).... Thành phần thực vật rừng cũng là những thông tin rất thú vị để giới thiệu cho khách tham quan khu vực cứu hộ và Ba Hòn, cũng như những hữu ích của từng loài cây trong công tác cứu hộ và bảo vệ môi trường nói chung.

Kết quả điều tra thực vật trong báo cáo này là thành quả của các đợt điều tra thực địa trong tháng 6, tháng 9 năm 2013; tháng 6 năm 2014 và tháng 1 năm 2015 tại khu vực Hòn Me, Hòn Đất và Hòn Quéo thuộc địa giới hành chính xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Kết quả bao gồm 211 loài thực vật, thuộc 163 chi, 72 họ, được phân vào 2 ngành trong giới thực vật. Qua phân tích thành phần thực vật, ghi nhận 2 loài xếp trong bậc nguy cấp (EN-theo SDVN 2007), 4 loài sẽ nguy cấp (VU), 120 loài thực vật có được tính và 9 loài thực vật xâm lấn.

Báo cáo được xây dựng bằng hình ảnh, toàn bộ hình ảnh các loài trong báo cáo được thu thập tại khu vực điều tra. Trong mỗi loài các đặc điểm nhận dạng được thực hiện thông qua hình ảnh chỉ thị rõ ràng thấy được ngay trong rừng như lá, cành, hoa, quả, vỏ, bạnh cây, nhựa mủ, giác gỗ,...

Để có được kết quả này xin chân thành cảm ơn Th.S. Nguyễn Vũ Khôi Giám đốc Tổ chức Wildlife At Risk đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình điều tra; xin cảm ơn Th.S. Lý Thọ đã hướng dẫn và giúp đỡ trong quá trình định danh loài và anh em Khu cứu hộ ĐVHD Hòn Me đã giúp đỡ trong giai đoạn khảo sát.

Mặc dù đã cố gắng đưa các đặc điểm nhận dạng loài vào báo cáo, tuy nhiên do thời gian điều tra ngắn không thể thu thập đầy đủ đặc điểm nhận dạng của tất cả các loài được, ngoài ra báo cáo cũng không thể tránh được sai sót nhất định, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành. Xin vui lòng email cho chúng tôi theo địa chỉ: quocvuong19862006@gmail.com hoặc info@wildlifeatrisk.org.

Tác giả

Phạm Đoàn Quốc Vương

MỤC LỤC

1	<i>Abrus precatorius</i>	1
2	<i>Acacia farnesiana</i>	1
3	<i>Acanthus ilicifolius</i>	1
4	<i>Adiantum diaphanum</i>	2
5	<i>Aeginetia indica</i>	2
6	<i>Albizia falcataria</i>	3
7	<i>Alocasia macrorrhiza</i>	3
8	<i>Amomum tsao-ko</i>	3
9	<i>Amorphophallus konjac</i>	3
10	<i>Ampelocissus arachnoidea</i>	4
11	<i>Anacardium occidentale</i>	4
12	<i>Annona glabra</i>	4
13	<i>Antidesma ghaesembilla</i>	5
14	<i>Argyreia capitata</i>	5
15	<i>Artocarpus altilis</i>	5
16	<i>Artocarpus heterophyllus</i>	6
17	<i>Artocarpus melinoxyla</i>	6
18	<i>Artocarpus nitida</i> var. <i>lignanensis</i>	6
19	<i>Avicennia alba</i>	7
20	<i>Azadiracta indica</i>	7
21	<i>Baccaurea ramiflora</i>	7
22	<i>Barringtonia asiatica</i>	8
23	<i>Borassus flabellifer</i>	8
24	<i>Breynia vitis-idaea</i>	8
25	<i>Bruguiera cylindrica</i>	9
26	<i>Bruguiera sexangula</i>	9
27	<i>Cajanus cajan</i>	9
28	<i>Cananga odorata</i>	10
29	<i>Carallia brachiata</i>	10
30	<i>Carmone microphylla</i>	10
31	<i>Caryota mitis</i>	11
32	<i>Cassia grandis</i>	11
33	<i>Catharanthus roseus</i>	11
34	<i>Cayratia trifolia</i>	12
35	<i>Ceiba pentandra</i>	12
36	<i>Chrysophyllum cainito</i>	12
37	<i>Citrus aurantifolia</i>	13
38	<i>Citrus grandis</i> var. <i>grandis</i>	13
39	<i>Cleome viscosa</i>	13
40	<i>Clerodendrum inerme</i>	14
41	<i>Clerodendrum paniculatum</i>	14
42	<i>Coccinia grandis</i>	14
43	<i>Combretum quadrangulare</i>	15
44	<i>Commelina communis</i>	15
45	<i>Costus speciosus</i>	15
46	<i>Cocos nucifera</i>	16
47	<i>Crinum amabile</i>	16

48	<i>Cyperus digitatus</i>	16
49	<i>Dipterocarpus alatus</i>	17
50	<i>Drynaria quercifolia</i>	17
51	<i>Eichhornia crassipes</i>	17
52	<i>Eucalyptus</i> sp	18
53	<i>Eupatorium odoratum</i>	18
54	<i>Excoecaria agallocha</i>	18
55	<i>Fagraea ceilanica</i>	19
56	<i>Fagraea crenulata</i>	19
57	<i>Ficus tinctoria</i> subsp. <i>gibbosa</i>	19
58	<i>Ficus callosa</i>	20
59	<i>Ficus drupacea</i>	20
60	<i>Ficus racemosa</i> var. <i>racemosa</i>	20
61	<i>Ficus religiosa</i>	21
62	<i>Ficus rumphii</i>	21
63	<i>Ficus variegata</i> var. <i>variegata</i>	21
64	<i>Gloriosa superba</i>	22
65	<i>Grewia tomentosa</i>	22
66	<i>Heritiera littoralis</i>	22
67	<i>Hibiscus rosa-sinensis</i>	23
68	<i>Hibiscus sabdariffa</i>	23
69	<i>Hibiscus schizopetalus</i>	23
70	<i>Hibiscus tiliaceus</i>	24
71	<i>Hopea odorata</i>	24
72	<i>Hymenocallis littoralis</i>	24
73	<i>Indigofera hirsuta</i>	25
74	<i>Ipomoea macrantha</i>	25
75	<i>Ipomoea obscura</i>	25
76	<i>Ipomoea quamoclit</i>	26
77	<i>Irvingia malayana</i>	26
78	<i>Ixora coccinea</i> var. <i>compata</i>	26
79	<i>Ixora duffii</i>	27
80	<i>Ixora stricta</i>	27
81	<i>Jacquemontia paniculata</i>	27
82	<i>Lagerstroemia floribunda</i>	28
83	<i>Lantana camara</i>	28
84	<i>Leea indica</i>	28
85	<i>Leucaena leucocephala</i>	29
86	<i>Litsea glutinosa</i>	29
87	<i>Mallotus glabriusculus</i>	29
88	<i>Mallotus philippensis</i>	30
89	<i>Mangifera indica</i>	30
90	<i>Manilkara zapota</i>	30
91	<i>Melastoma affine</i>	31
92	<i>Melia azedarach</i>	31
93	<i>Merremia vitifolia</i>	31
94	<i>Mimosa pudica</i>	32
95	<i>Morinda citrifolia</i> var. <i>bracteata</i>	32

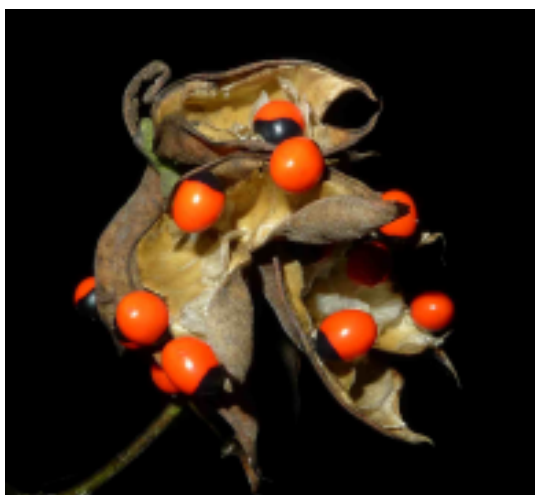
96	<i>Mucuna nigricans</i>	32
97	<i>Muntingia calabura</i>	33
98	<i>Musa acuminata</i> subsp <i>siamea</i>	33
99	<i>Nauclea orientalis</i>	33
100	<i>Normanbya normanbyi</i>	34
101	<i>Nypa fruticans</i>	34
102	<i>Ochna integerrima</i>	34
103	<i>Operculina turpethum</i>	35
104	<i>Oroxylum indicum</i>	35
105	<i>Pachyrhizus erosus</i>	35
106	<i>Paederia consimilis</i>	36
107	<i>Passiflora foetida</i>	36
108	<i>Physalis angulata</i>	36
109	<i>Piper lolot</i>	37
110	<i>Pluchea indica</i>	37
111	<i>Plumeria obtusum</i>	37
112	<i>Plumeria rubra</i> f <i>acutifolia</i>	38
113	<i>Pothos scandens</i>	38
114	<i>Pouteria campechiana</i>	38
115	<i>Pseuderanthemum crenulatum</i>	39
116	<i>Quisqualis indica</i>	39
117	<i>Rhizophora apiculata</i>	39
118	<i>Rhizophora mucronata</i>	40
119	<i>Ricinus communis</i>	40
120	<i>Ruellia tuberosa</i>	40
121	<i>Sauropus androgynus</i>	41
122	<i>Sauropus villosus</i>	41
123	<i>Scindapsus officinalis</i>	41
124	<i>Solanum torvum</i>	42
125	<i>Sonneratia caseolaris</i>	42
126	<i>Stachyphrynium jagorinanum</i>	42
127	<i>Stachytarpheta jamaicensis</i>	43
128	<i>Stephania japonica</i> var <i>discolor</i>	43
129	<i>Sterculia foetida</i>	43
130	<i>Sterculia hypochrea</i>	44
131	<i>Streblus asper</i>	44
132	<i>Suregada multiflora</i>	44
133	<i>Syzygium cumini</i>	45
134	<i>Tacca leontopetaloides</i>	45
135	<i>Tacca palmata</i>	45
136	<i>Spondias pinnata</i>	46
137	<i>Tamarindus indica</i>	46
138	<i>Tectona grandis</i>	46
139	<i>Terminalia triptera</i>	47
140	<i>Tetrastigma quadridens</i>	47
141	<i>Thespesia populnea</i>	47
142	<i>Thunbergia laurifolia</i>	48
143	<i>Trema politoria</i>	48

144	<i>Urena lobata</i>	48
145	<i>Uvaria</i> <i>dac</i>	49
146	<i>Vigna unguiculata</i> subsp. <i>cylindrica</i>	49
147	<i>Vitex canescens</i>	49
148	<i>Vitex negundo</i>	50
149	<i>Xerospermum noronhianum</i>	50
150	<i>Zingiber zerumbet</i>	50

Abrus precatorius

Họ: Papilionoideae

Tên thông thường: Cườm thảo đỏ, Tương tự

***Acacia farnesiana***

Họ: Mimosoideae

Tên thông thường: Keo thơm, Keo ta

***Acanthus ebracteatus***

Họ: Acanthaceae

Tên thông thường: Ô rô biển, Ô rô hoa nhỏ



Adiantum diaphanum

Họ: Adiantaceae

Tên thông thường: Ráng nguyệt xỉ suốt

***Aeginetia indica* (VU)**

Họ: Orobanchaceae

Tên thông thường: Tai đất Ấn, Lệ đương

***Albizia falcataria***

Họ: Mimosoideae

Tên thông thường: Hợp hoan hình phẳng



Alocasia macrorrhiza

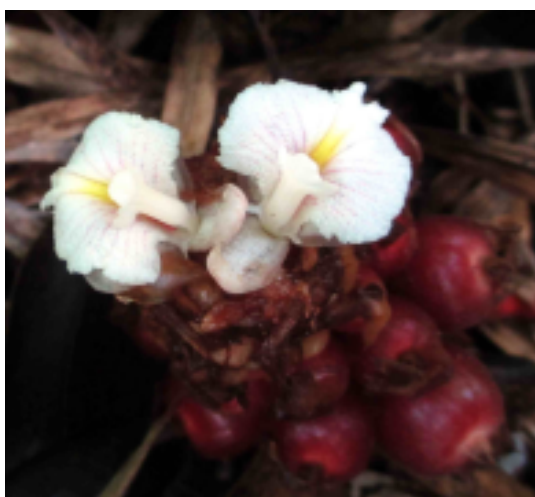
Họ: Araceae

Tên thông thường: Ráy

***Amomum tsao-ko***

Họ: Zingiberaceae

Tên thông thường: Sa nhân cóc, Đồ ho

***Amorphophallus konjac***

Họ: Araceae

Tên thông thường: Khoai nưa, Nưa trồng



Ampelocissus arachnoidea

Họ: Vitaceae

Tên thông thường: Hồ nho nhện, Nho rừng

***Anacardium occidentale***

Họ: Anacardiaceae

Tên thông thường: Điều, Đào lộn hột

***Annona glabra***

Họ: Annonaceae

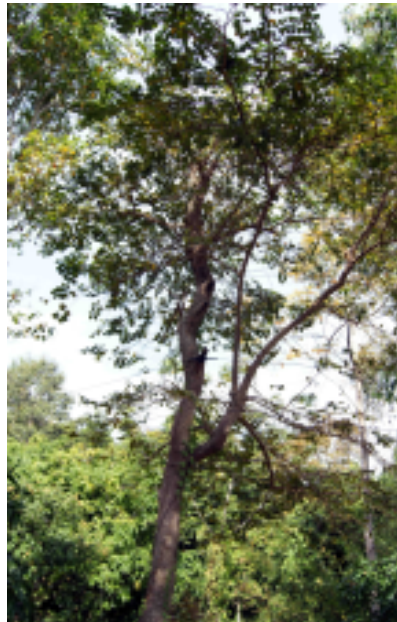
Tên thông thường: Bình bát



Antidesma ghaesembilla

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Chòi mòi, Chua mòi

***Argyreia capitata***

Họ: Convolvulaceae

Tên thông thường: Thảo bạc đầu

***Artocarpus altilis***

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Xa kê



Artocarpus heterophyllus

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Mít

***Artocarpus melinoxyla***

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Mít gỗ mật

***Artocarpus nitida var. lingnanensis***

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Mít nài, Chay nhỏ



Avicennia alba

Họ: Verbenaceae

Tên thông thường: Mắm trắng

***Azadiracta indica***

Họ: Meliaceae

Tên thông thường: Sầu đâu, Xoan chịu hạn

***Baccaurea ramiflora***

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Giâu gia, Giâu gia đất



***Barringtonia asiatica* (VU)**

Họ: Lecythidaceae

Tên thông thường: Bàng vuông, Chiếc bàng

***Borassus flabellifer***

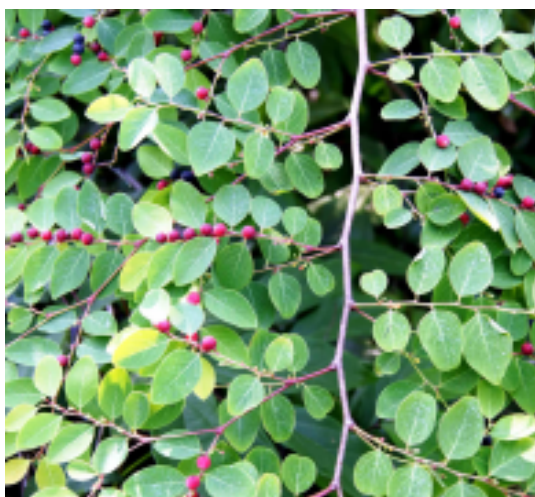
Họ: Arecaceae

Tên thông thường: Thốt nốt

***Breynia vitis-idaea***

Họ: Euphorbiaceae

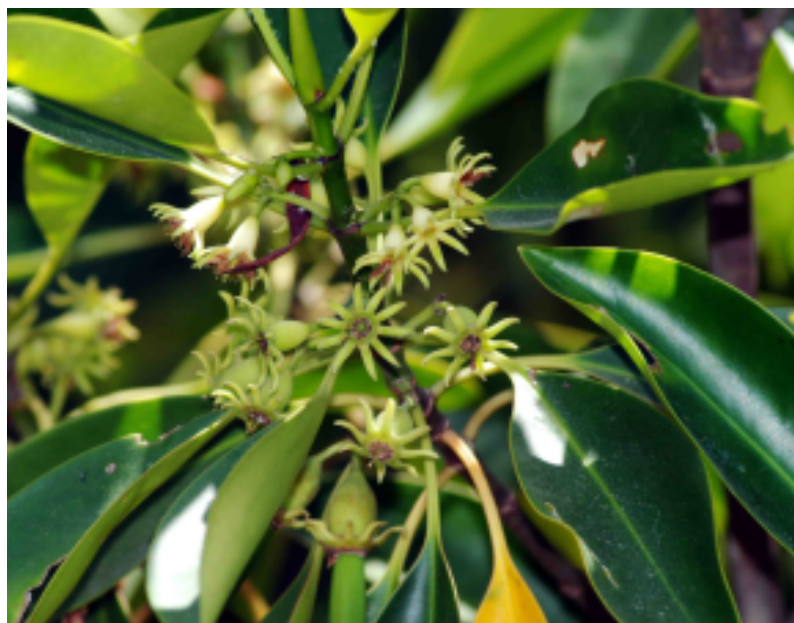
Tên thông thường: Cù đề



Bruguiera cylindrica

Họ: Rhizophoraceae

Tên thông thường: Vẹt trụ, Vẹt khang

***Bruguiera sexangula***

Họ: Rhizophoraceae

Tên thông thường: Vẹt đen

***Cajanus cajan***

Họ: Fabaceae

Tên thông thường: Đậu sắng, Đậu chiều



Cananga odorata

Họ: Annonaceae

Tên thông thường: Ngọc lan tây, Công chúa

***Carallia brachiata***

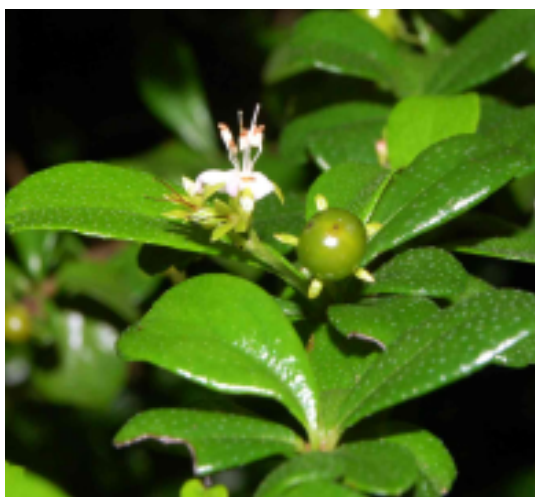
Họ: Rhizophoraceae

Tên thông thường: Xăng mã nguyên

***Carmone microphylla***

Họ: Boraginaceae

Tên thông thường: Cùm rùm



Caryota mitis

Họ: Arecaceae

Tên thông thường: Đủng đỉnh

***Cassia grandis***

Họ: Caesalpinioideae

Tên thông thường: Ô môi

***Catharanthus roseus***

Họ: Apocynaceae

Tên thông thường: Dừa cạn



Cayratia trifolia

Họ: Vitaceae

Tên thông thường: Vác, Giác

***Ceiba pentandra***

Họ: Bombaceae

Tên thông thường: Gòn, Bông gòn

***Chrysophyllum cainito***

Họ: Sapotaceae

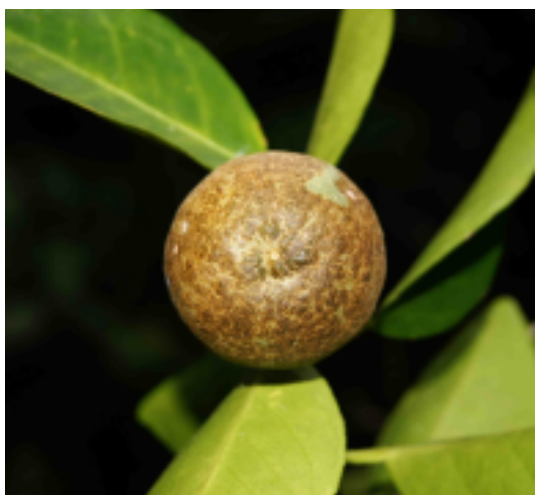
Tên thông thường: Vú sữa



Citrus aurantifolia

Họ: Rutaceae

Tên thông thường: Chanh

***Citrus grandis var. grandis***

Họ: Rutaceae

Tên thông thường: Bưởi

***Cleome viscosa***

Họ: Capparaceae

Tên thông thường: Màng màng vàng



Clerodendrum inerme

Họ: Verbenaceae

Tên thông thường: Ngọc nữ biển, Chùm gọng

***Clerodendrum paniculatum***

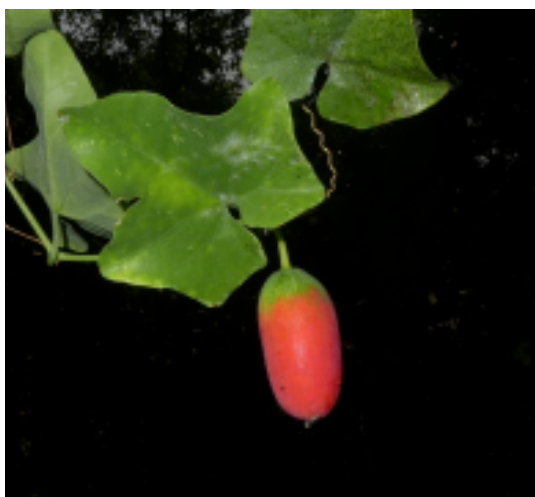
Họ: Verbenaceae

Tên thông thường: Ngọc nữ đỏ, Trang rừng

***Coccinia grandis***

Họ: Cucurbitaceae

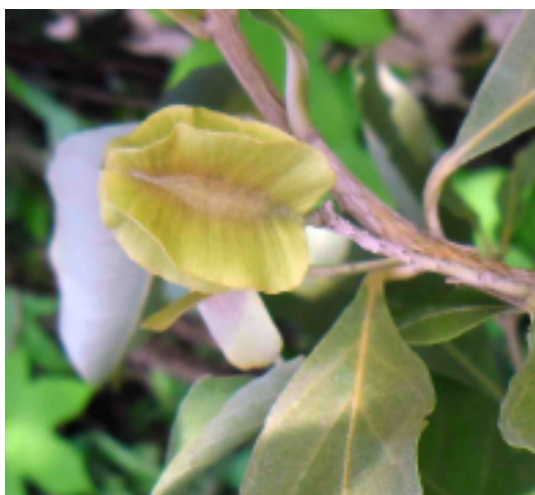
Tên thông thường: Dây bát



Combretum quadrangulare

Họ: Combretaceae

Tên thông thường: Chum bầu

***Commelina communis***

Họ: Commelinaceae

Tên thông thường: Rau trái, Thái lải

***Costus speciosus***

Họ: Costaceae

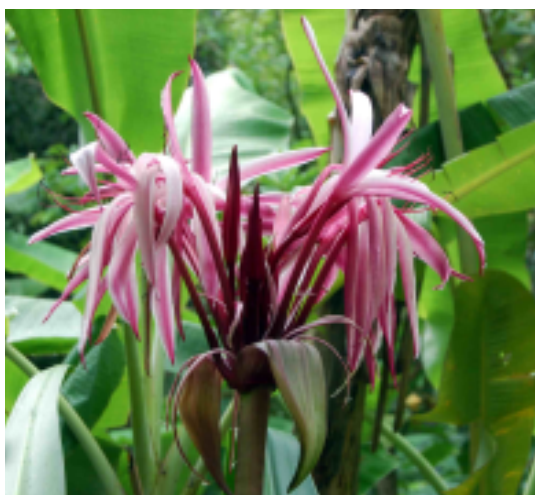
Tên thông thường: Cát lồi, Mía dò



Crinum amabile

Họ: Amaryllidaceae

Tên thông thường: Náng tía, Tỏi tỵ tía

***Cyperus digitatus***

Họ: Cyperaceae

Tên thông thường: U du tía, Lác tía, Cói tay

***Cocos nucifera***

Họ: Arecaceae

Tên thông thường: Dừa



Dipterocarpus alatus

Họ: Dipterocarpaceae

Tên thông thường: Dầu rái

***Drynaria quercifolia***

Họ: Polypodiaceae

Tên thông thường: Ráng đuôi phụng lá sồi

***Eichhornia crassipes***

Họ: Pontederiaceae

Tên thông thường: Lục bình



Eucalyptus sp

Họ: Myrtaceae

Tên thông thường: Bạch đàn, Khuynh diệp

***Eupatorium odoratum***

Họ: Asteraceae

Tên thông thường: Cỏ hôi, Yên bạch

***Excoecaria agallocha***

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Giá, Trà mú



Fagraea ceilanica

Họ: Loganiaceae

Tên thông thường: Trái tích lan

***Fagraea crenulata***

Họ: Loganiaceae

Tên thông thường: Bàng nước

***Ficus tinctoria* subsp. *gibbosa***

Họ: Moraceae

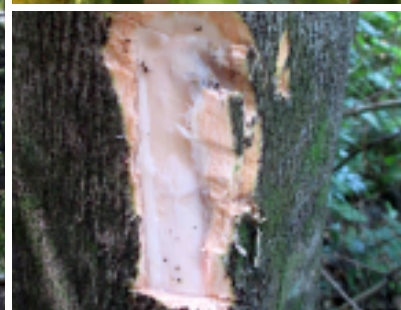
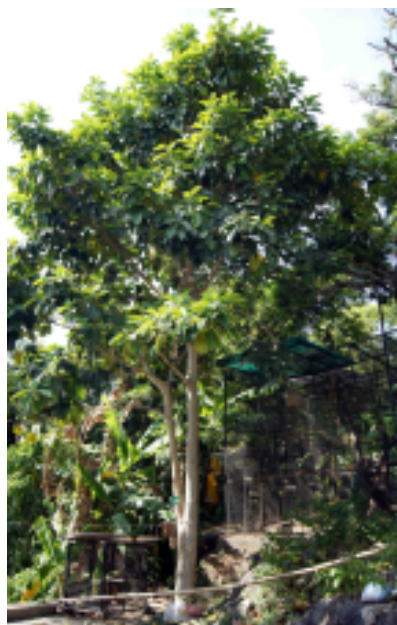
Tên thông thường: Sung bầu



Ficus callosa

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Sung chai, Đa chai

***Ficus drupacea***

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Sung nhân, Đa lông

***Ficus racemosa***

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Sung



Ficus religiosa

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Đề, Đa bồ đề

***Ficus rumphii***

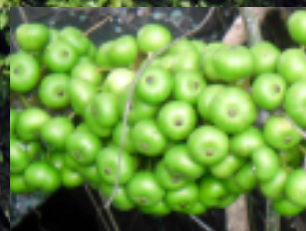
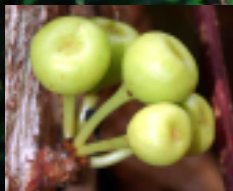
Họ: Moraceae

Tên thông thường: Lâm vồ, Đa mít

***Ficus variegata* var. *variegata***

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Sung trỏ, Sung vè



Gloriosa superba

Họ: Liliaceae

Tên thông thường: Huệ lông đèn, Ngót ngào

***Grewia tomentosa***

Họ: Tiliaceae

Tên thông thường: Cò ke

***Heritiera littoralis***

Họ: Sterculiaceae

Tên thông thường: Cui



Hibiscus rosa-sinensis

Họ: Malvaceae

Tên thông thường: Bụt, Râm bụt, Râm bụt

***Hibiscus sabdariffa***

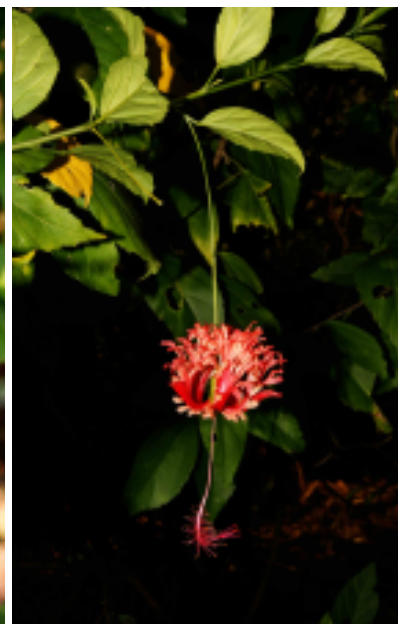
Họ: Malvaceae

Tên thông thường: Bụt giấm, Đay nhét

***Hibiscus schizopetalus***

Họ: Malvaceae

Tên thông thường: Bụt rìa, Bụt lông đèn



Hibiscus tiliaceus

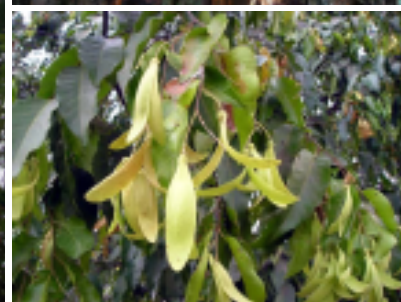
Họ: Malvaceae

Tên thông thường: Bụp tra, Tra làm chèo

***Hopea odorata***

Họ: Dipterocarpaceae

Tên thông thường: Sao đen

***Hymenocallis littoralis***

Họ: Amaryllidaceae

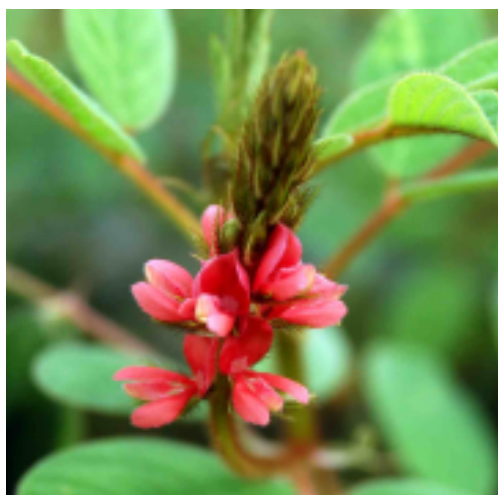
Tên thông thường: Huệ chân vịt, Bạch trinh



Indigofera hirsuta

Họ: Fagaceae

Tên thông thường: Chàm lông

***Ipomaea macrantha***

Họ: Convolvulaceae

Tên thông thường: Bìm hoa to

***Ipomoea quamoclit***

Họ: Convolvulaceae

Tên thông thường: Tóc tiên, Dương leo



Ipomoea obscura

Họ: Convolvulaceae

Tên thông thường: Bìm mỳ

***Irvingia malayana***

Họ: Irvingiaceae

Tên thông thường: Cây, Kơ nia

***Ixora coccinea* var. *compata***

Họ: Rubiaceae

Tên thông thường: Trang lùn, Tr. lá nhỏ



Ixora duffii

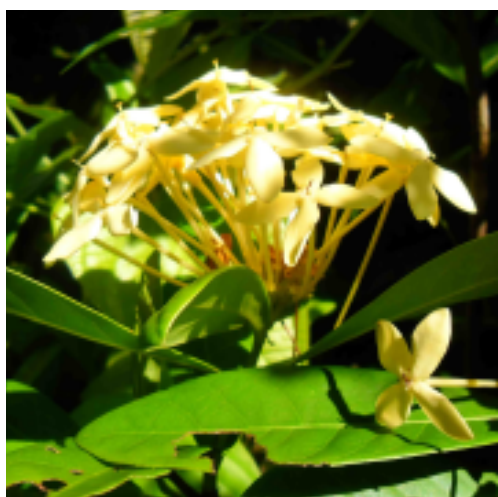
Họ: Rubiaceae

Tên thông thường: Trang đỏ, Trang to

***Ixora stricta***

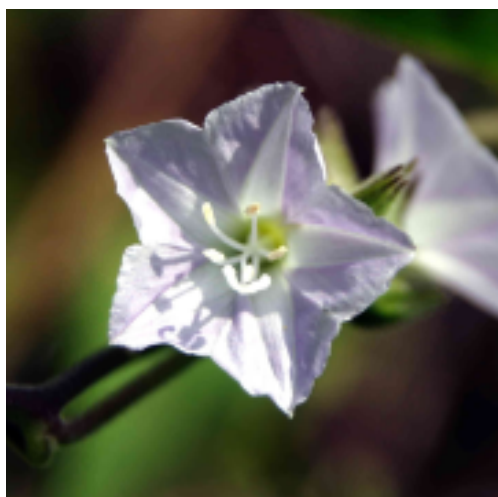
Họ: Rubiaceae

Tên thông thường: Trang vàng

***Jacquemontia paniculata***

Họ: Convolvulaceae

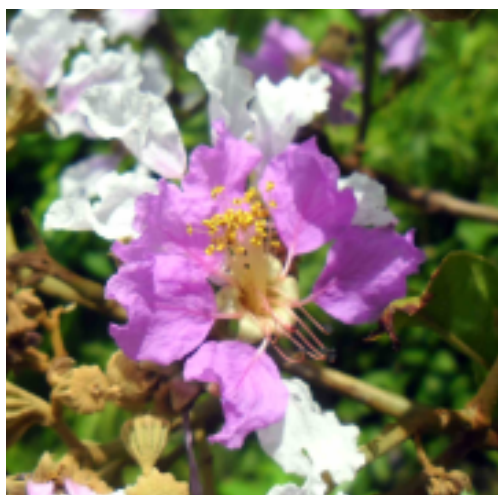
Tên thông thường: Bìm trắng



Lagerstroemia floribunda

Họ: Lythraceae

Tên thông thường: Bằng lăng nhiều hoa

***Lantana camara***

Họ: Verbenaceae

Tên thông thường: Thom ổi, Ngũ sắc

***Leea indica***

Họ: Leeaceae

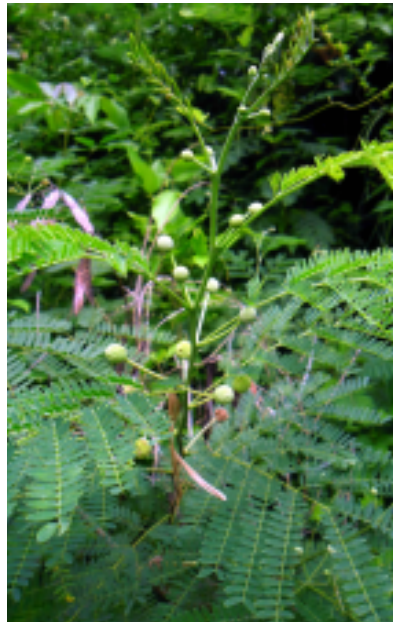
Tên thông thường: Củ rôi ắn, Kim lê



Leucaena leucocephala

Họ: Fabaceae

Tên thông thường: Keo giậu, Bình linh

***Litsea glutinosa***

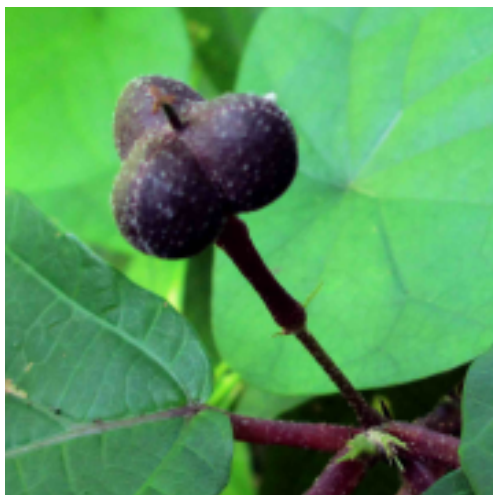
Họ: Lauraceae

Tên thông thường: Bời lời nhót

***Mallotus glabriusculus***

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Ruối không lông



Mallotus philippinensis

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Cánh kiến, Thuốc sán



Mangifera indica

Họ: Anacardiaceae

Tên thông thường: Xoài



Manilkara zapota

Họ: Sapotaceae

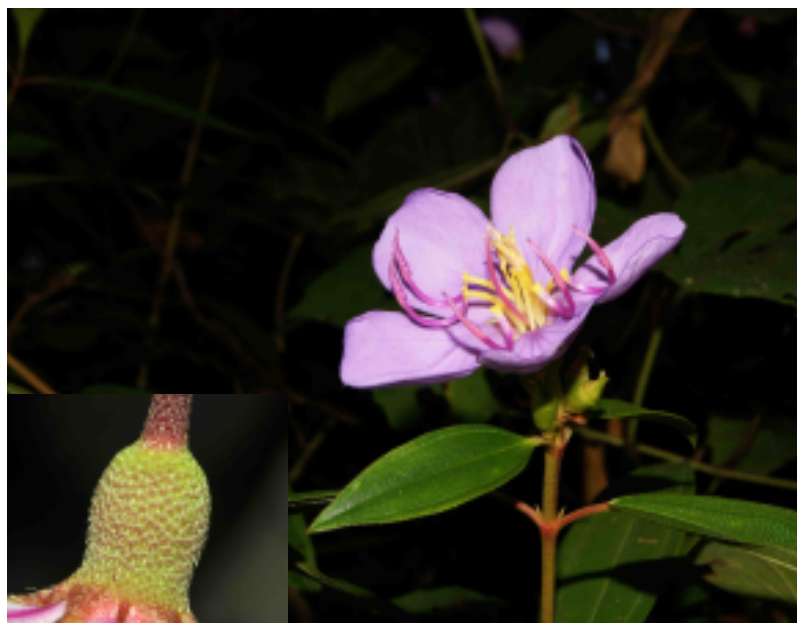
Tên thông thường: Xaboche, Hồng xiêm



Melastoma affine

Họ: Melastomataceae

Tên thông thường: Muôi đa hùng

***Melia azedarach***

Họ: Meliaceae

Tên thông thường: Xoan

***Merremia vitifolia***

Họ: Convolvulaceae

Tên thông thường: Bìm lá nho



Mimosa pudica

Họ: Fabaceae

Tên thông thường: Trinh nữ, Mắc cỡ

***Morinda citrifolia* var. *bracteata***

Họ: Rubiaceae

Tên thông thường: Nhàu

***Mucuna nigricans***

Họ: Papilionoideae

Tên thông thường: Mắc mẻo



Muntingia calabura

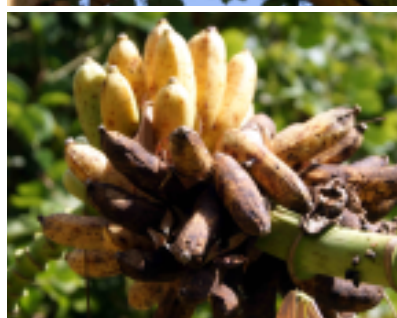
Họ: Muntingiaceae

Tên thông thường: Trứng cá, Mật sâm

***Musa acuminata***

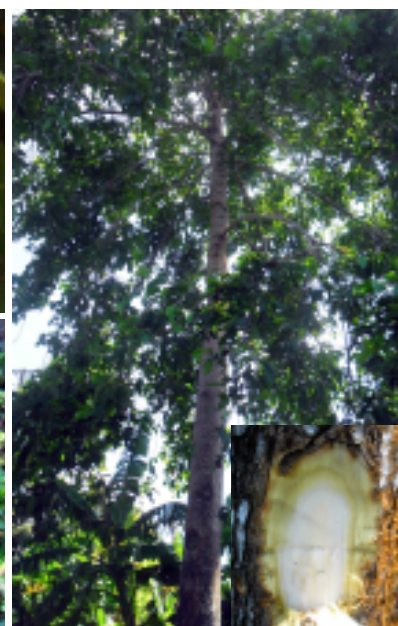
Họ: Musaceae

Tên thông thường: Chuối rừng

***Nauclea orientalis***

Họ: Rubiaceae

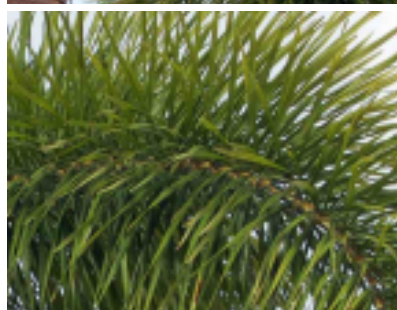
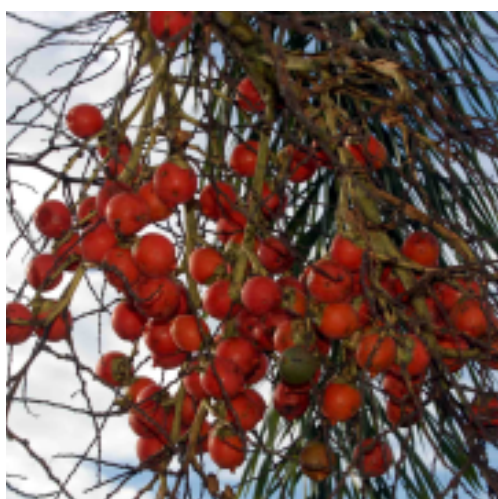
Tên thông thường: Gáo vàng, Gáo nam



Normanbya normanbyi

Họ: Arecaceae

Tên thông thường: Cau đuôi chồn

***Nypa fruticans***

Họ: Arecaceae

Tên thông thường: Dừa nước, Dừa lá

***Ochna integerrima***

Họ: Ochnaceae

Tên thông thường: Mai vàng, Huỳnh mai



Operculina turpethum

Họ: Convolvulaceae

Tên thông thường: Bìm nấp

***Oroxylum indicum***

Họ: Bignoniaceae

Tên thông thường: Núc nác

***Pachyrrhizus erosus***

Họ: Fabaceae

Tên thông thường: Củ sắn, Củ đậu



Paederia consimilis

Họ: Rubiaceae

Tên thông thường: Mơ cát tiên

***Passiflora foetida***

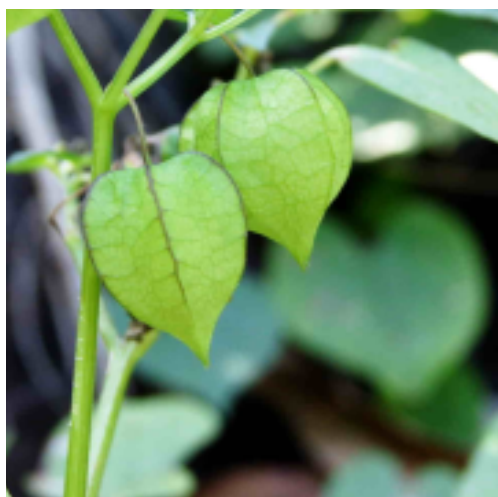
Họ: Passifloraceae

Tên thông thường: Nhân lồng, Chùm bao

***Physalis angulata***

Họ: Solanaceae

Tên thông thường: Thù lù



Piper lolot

Họ: Piperaceae

Tên thông thường: Lá lốt

***Pluchea indica***

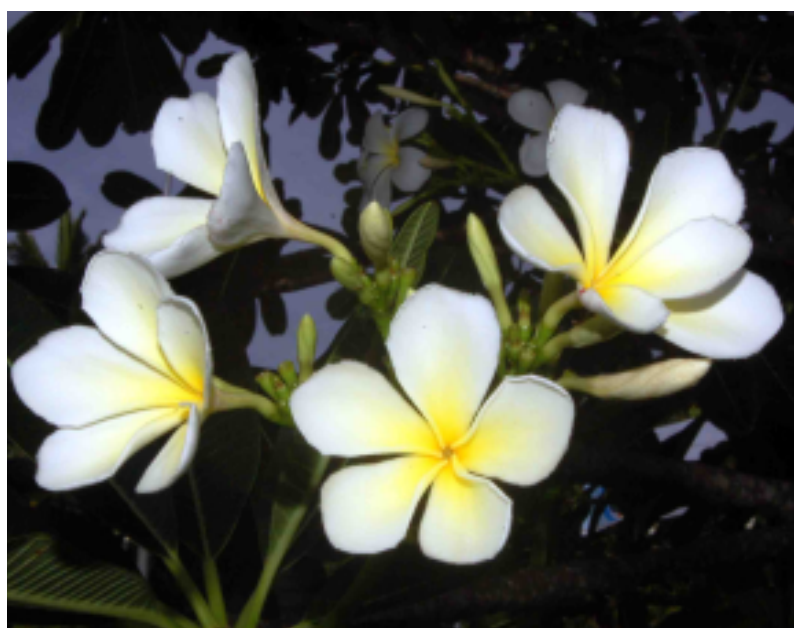
Họ: Asteraceae

Tên thông thường: Cúc tần, Lúc ắn

***Plumeria obtusum***

Họ: Apocynaceae

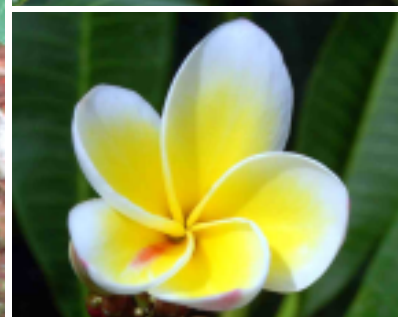
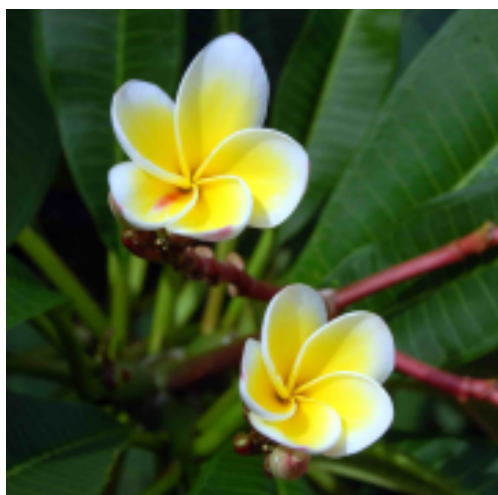
Tên thông thường: Đại lá tà



Plumeria rubra f acutifolia

Họ: Apocynaceae

Tên thông thường: Đại, Sứ cùi

***Pothos scandens***

Họ: Araceae

Tên thông thường: Ráy leo

***Pouteria campechiana (P. sapota)***

Họ: Sapotaceae

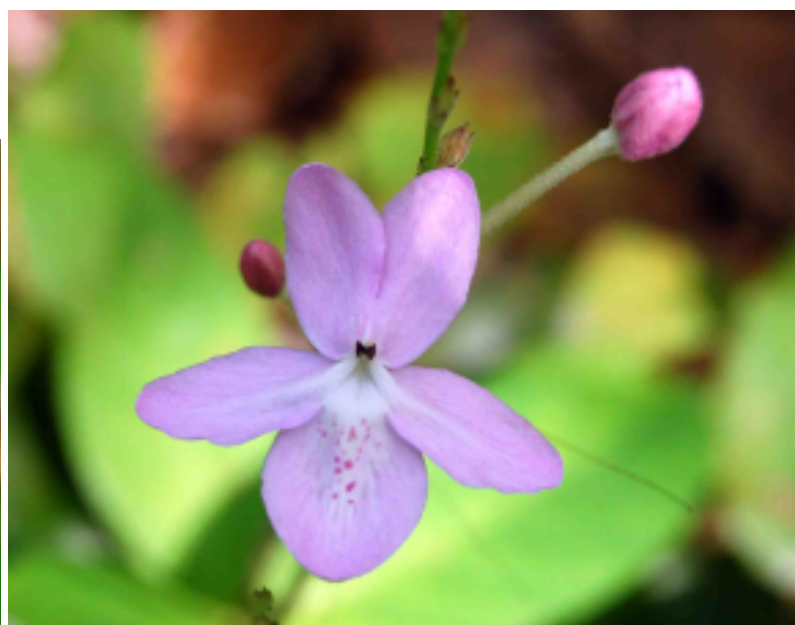
Tên thông thường: Trứng gà, Lêkima



Pseuderanthemum crenulatum

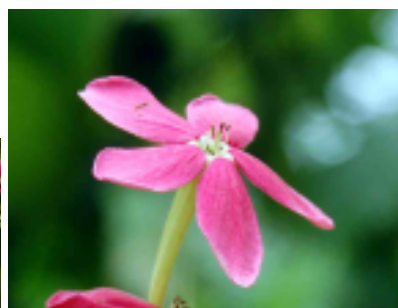
Họ: Acanthaceae

Tên thông thường: Trang đất, Xuân hoa

***Quisqualis indica***

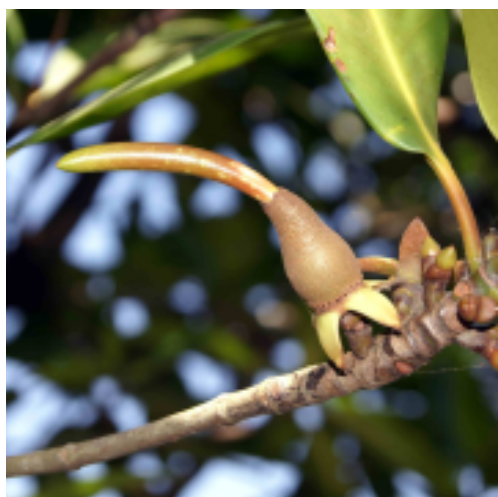
Họ: Combretaceae

Tên thông thường: Sứ quân tử, Trang leo

***Rhizophora apiculata***

Họ: Rhizophoraceae

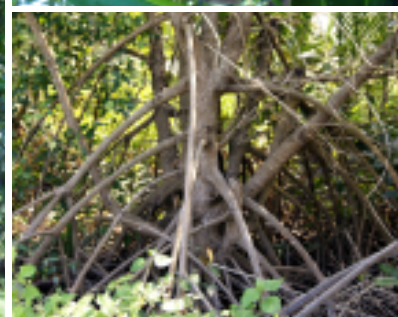
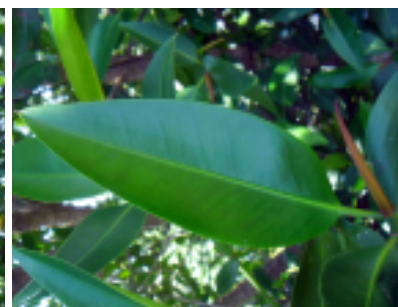
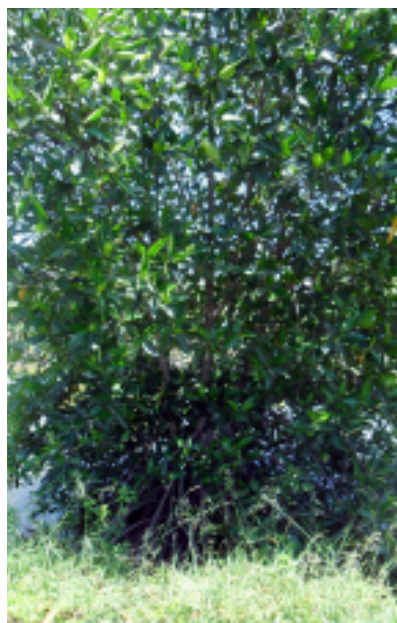
Tên thông thường: Đước đôi



Rhizophora mucronata

Họ: Rhizophoraceae

Tên thông thường: Đước nhọn, Đưng

***Ricinus communis***

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Thầu dầu

***Ruellia tuberosa***

Họ: Acanthaceae

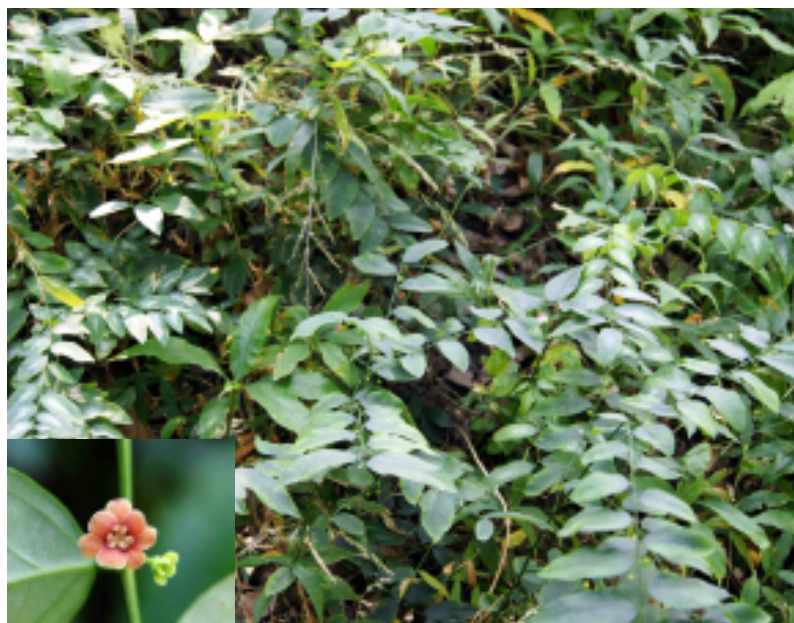
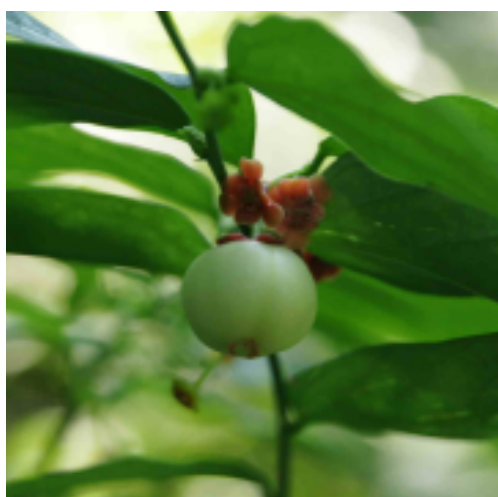
Tên thông thường: Trái nỏ, Tách tách



Sauropus androgynus

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Bồ ngót

***Sauropus villosus***

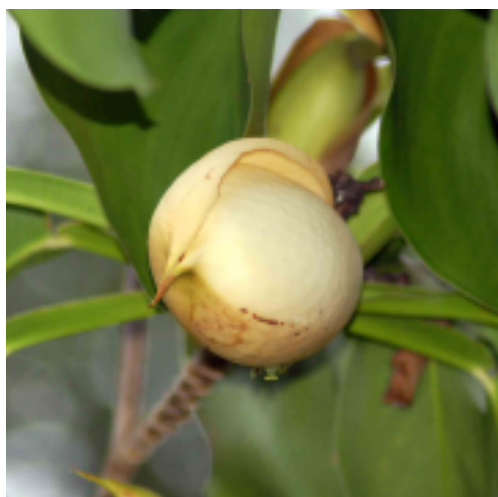
Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Bồ ngót lông

***Scindapsus officinalis***

Họ: Araceae

Tên thông thường: Dây bá



Solanum torvum

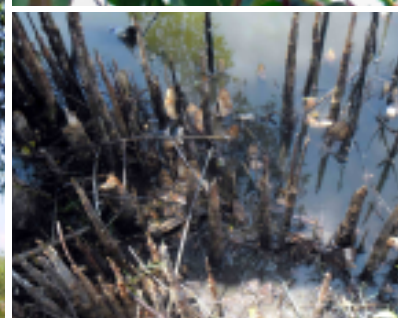
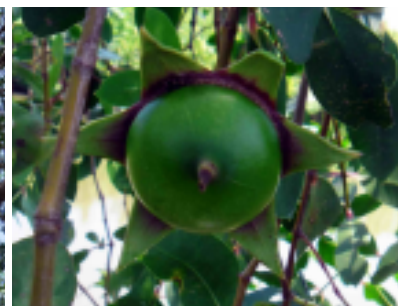
Họ: Solanaceae

Tên thông thường: Cà gai hoa trắng

***Sonneratia caseolaris***

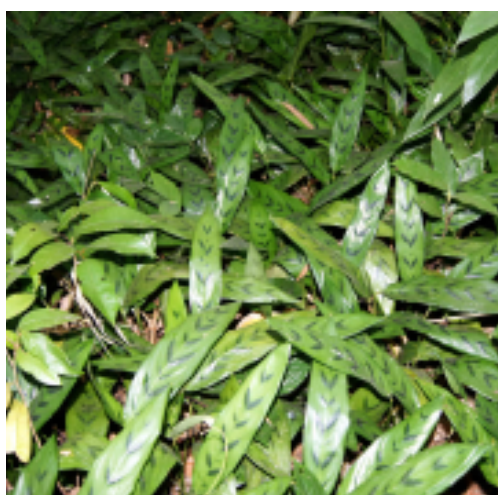
Họ: Sonneratiaceae

Tên thông thường: Bần chua, Bần xê

***Stachyphrynium jagorinatum***

Họ: Marantaceae

Tên thông thường: Dong gié



Stachytarpheta jamaicensis

Họ: Verbenaceae

Tên thông thường: Hải tiên, Đuôi chuột

***Stephania japonica* var. *discolor***

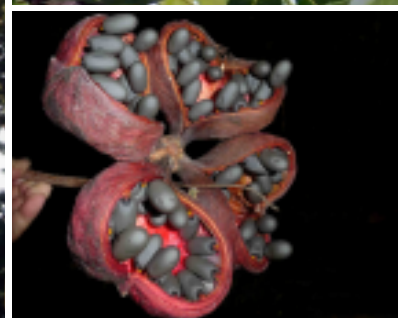
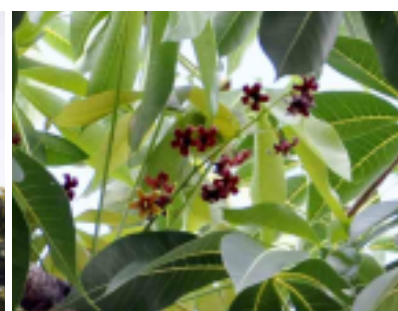
Họ: Menispermaceae

Tên thông thường: Dây mồi, Lỗi tiền

***Sterculia foetida***

Họ: Sterculiaceae

Tên thông thường: Trôm hôi



Sterculia hypochrea

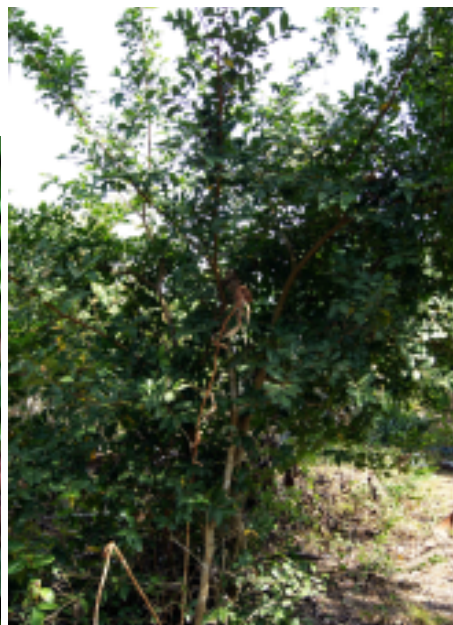
Họ: Sterculiaceae

Tên thông thường: Trôm quạt

***Streblus asper***

Họ: Moraceae

Tên thông thường: Duối nhám

***Suregada multiflora***

Họ: Euphorbiaceae

Tên thông thường: Cỏ ngỗng, Kén



Syzygium cumini

Họ: Myrtaceae

Tên thông thường: Trâm vôi

***Tacca leontopetaloides***

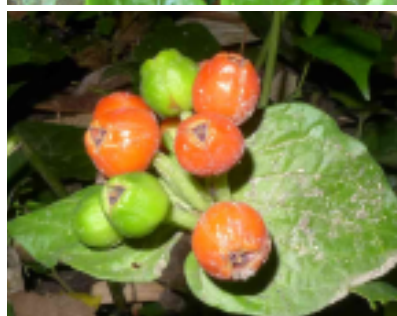
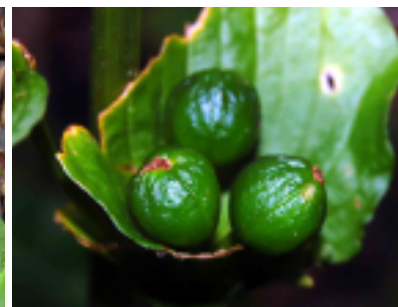
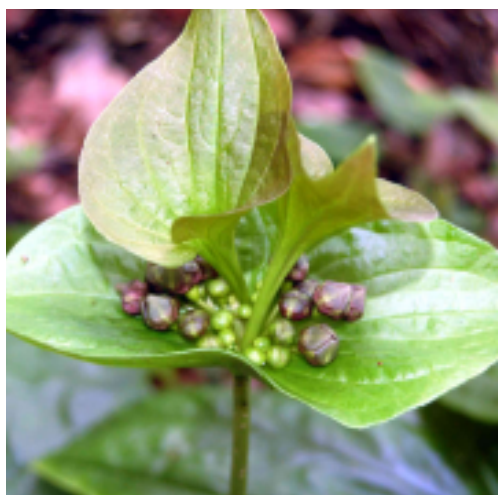
Họ: Taccaceae

Tên thông thường: Nura, Mì tinh

***Tacca palmata* (VU)**

Họ: Taccaceae

Tên thông thường: Nura chân vịt



Tamarindus indica

Họ: Caesalpinioideae

Tên thông thường: Me

***Tectona grandis***

Họ: Verbenaceae

Tên thông thường: Giá ty, Téch

***Spondias pinnata***

Họ: Anacardiaceae

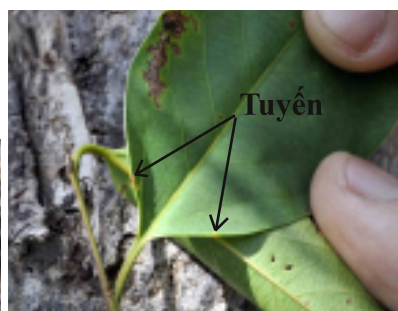
Tên thông thường: Cóc



Terminalia triptera

Họ: Combretaceae

Tên thông thường: Chiêu liêu nghệ

***Tetrastigma sp***

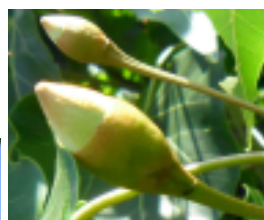
Họ: Vitaceae

Tên thông thường: Tứ thư

***Thespesia populnea***

Họ: Malvaceae

Tên thông thường: Tra lâm vồ, Tra bò đê



Thumbergia laurifolia

Họ: Acanthaceae

Tên thông thường: Cát đằng thon

***Trema politoria***

Họ: Ulmaceae

Tên thông thường: Hu đay nhãn, Gạch

***Urena lobata***

Họ: Malvaceae

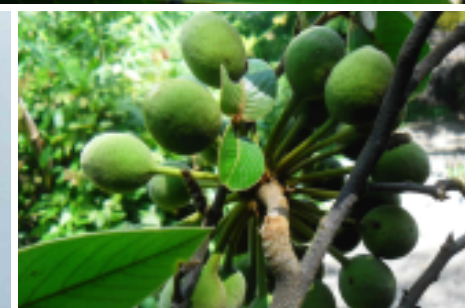
Tên thông thường: Ké hoa đào



Uvaria dac

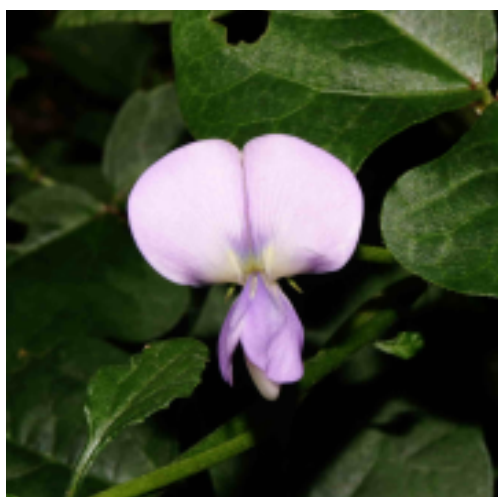
Họ: Annonaceae

Tên thông thường: Bồ quả dác, Dủ dẻ

***Vigna unguiculata subsp. cylindrica***

Họ: Papilionoideae

Tên thông thường: Đậu đen

***Vitex canescens***

Họ: Verbenaceae

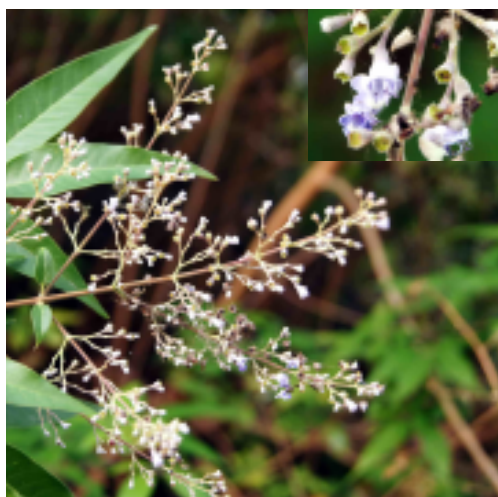
Tên thông thường: Ba gạc, Bình linh



Vitex negundo

Họ: Verbenaceae

Tên thông thường: Ngũ trảo

***Xerospermum noronhianum***

Họ: Sapindaceae

Tên thông thường: Trường

***Zingiber zerumbet***

Họ: Zingiberaceae

Tên thông thường: Gừng gió, Ngải xanh



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền, Thực vật rừng, Nxb Nông nghiệp, 2000
2. Võ Văn Chi, Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam, NXB Giáo dục, 2007
3. Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam (3 tập), Nxb Trẻ, 1999
4. Phạm Hoàng Hộ, Hiên hoa bí tử, Trung tâm sản xuất học liệu-Bộ văn hóa giáo dục và thanh niên, 1975
5. Đỗ Tất Lợi, Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB Y học, 2004
6. Sách đỏ Việt Nam (phần II. Thực vật), Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội, 2007
7. Simon Gardner- Pindar Sidisunthorn,-Vilaiwan Anusarnsunthorn, A Field guide to forest trees of northern Thailand, 2000
8. Trần Triết, Điều tra và đánh giá tác hại của các loài thực vật ngoại lai tại một số Vườn Quốc Gia của Việt Nam, 2008

Website:

vietnamplants.blogspot.com

www.flickr.com

vi.wikipedia.org

www.botanyvn.com

www.vncreatures.net

**PHỤ LỤC 1: DANH LỤC CÁC LOÀI THỰC VẬT GHI NHẬN TẠI HÒN ME,
HÒN ĐẤT, HÒN QUẾO**

STT	Tên khoa học	Tên thông thường	Sinh dạng	Dược liệu
	POLYPODIOPHYTA	NGÀNH DƯƠNG XỈ		
	Adiantaceae	Họ Tóc thần		
1	<i>Adiantum diaphanum</i> Bl.	Ráng nguyệt xỉ suốt	Co	
	Osmundaceae	Họ Rau vi		
2	<i>Osmunda claytoniana</i> L.	Ráng ắt minh	Co	
	Polypodiaceae	Họ Ráng		
3	<i>Drynaria fortunei</i> (Mett.) J. Sm.	Ráng đuôi phụng Fortune, Cốt toái	Ps	x
4	<i>Drynaria quercifolia</i> (L.) J Smith	Ráng đuôi phụng lá sồi	Ps	x
	Schizeaceae	Họ Ráng ngón		
5	<i>Lygodium flexuosum</i> var. <i>alta</i> Cl.	Bồng bông dẻo	Dl	
	MAGNOLIOPHYTA	NGÀNH NGỌC LAN		
	LILIOPSIDA	LỚP HÀNH		
	Amaryllidaceae	Họ Thủy tiên		
6	<i>Crinum amabile</i> Donn	Đại tướng quân, Tỏi lợi tía	Đtv	
7	<i>Hymenocallis littoralis</i> (Jacq.) Salisb	Huê chân vịt, Bạch trinh biển	Đtv	x
	Araceae	Họ Ráy		
8	<i>Alocasia macrorrhiza</i> (L.) G. Don	Ráy	Đtv	
9	<i>Amorphophallus konjac</i> K. Koch.	Khoai nưa, Nưa trồng	Co	
10	<i>Pothos scandens</i> L.	Ráy leo	Co	x
11	<i>Scindapsus officinalis</i> (Roxb.) Schott	Dây bá	Dl	x
	Arecaceae	Họ Cau		
12	<i>Borassus flabellifer</i> L.	Thốt nốt	Gl	x
13	<i>Calamus salicifolius</i> Becc	Mây tắt, Mây sắt, Mây lá liễu	Dl	
14	<i>Caryota mitis</i> Lour	Đùng đình	Tc	x
15	<i>Cocos nucifera</i> L.	Dừa	Gl	x
16	<i>Normanbya normanbyi</i> (A.W.Hill) L.H.Bailey	Cau đuôi chồn	Tc	
17	<i>Nypa fruticans</i> Wurmb.	Dừa nước, Dừa lá	Thng	
	Commelinaceae	Họ Thái lài		
18	<i>Commelina communis</i> L.	Trai thường, Thái lài	Co	x
19	<i>Pollia secundiflora</i> (Bl.) Bakh. f.	Bôn tạt	Co	
	Costaceae	Họ Mía dò		
20	<i>Costus speciosus</i> (Koenig) Smith	Cát lồi, Mía dò	Đtv	x
	Cyperaceae	Họ Cói		
21	<i>Cyperus digitatus</i> Roxb.	Udu tia, Lác tia	Co	
22	<i>Cyperus grandis</i> C.B.Cl.	Udu to	Co	
	Dioscoreaceae	Họ Củ nâu		
23	<i>Dioscorea bulbifera</i> L.	Khoai dái, Khoai trời	Dl	x
24	<i>Dioscorea triphylla</i> var <i>reticulata</i> Prain & Burk.	Từ nhám, Nần	Dl	
	Iridaceae	Họ La đơn		
25	<i>Eleutherine bulbosa</i> (Mill.) Urban.	Sâm đại hành, Tỏi đỏ	Đtv	x

	Liliaceae	Họ Loa kèn trắng		
26	<i>Gloriosa superba</i> L.	Ngót ngào, Huệ lồng đèn	Co	x
	Marantaceae	Họ Củ dong		
27	<i>Stachyphrynium jagorinanum</i> (K. Koch) K. Schum	Dong gié	Co	
	Musaceae	Họ Chuối		
28	<i>Musa acuminata subsp siamea</i> Simmonds	Chuối rừng, Chuối hoang nhon	Thg	x
	Pontederiaceae	Họ Bèo lục bình		
29	<i>Eichhornia crassipes</i> (Maret) Solms	Lục bình, Bèo tây	Ths	
	Taccaceae	Họ Râu hùm		
30	<i>Tacca leontopetaloides</i> (L.) Kuntze	Củ nưa, Bạch tinh, Mi tinh	Co	x
31	<i>Tacca palmata</i> Bl.	Nưa chân vịt	Đtv	x
	Zingiberaceae	Họ Gừng		
32	<i>Alpinia officinarum</i> Hance	Riềng, Riềng thuốc	Đtv	x
33	<i>Amomum tsao-ko</i> Crév. & Lem.	Sa nhân cóc, Đồ ho	Đtv	x
34	<i>Catimbium sp</i>	Riềng	Đtv	
35	<i>Curcuma domestica</i> Val.	Nghệ	Đtv	x
36	<i>Zingiber zerumbet</i> (L.) J.E Sm.	Gừng gió, Ngải xanh	Đtv	x
	MAGNOLIOPSIDA	LỚP NGỌC LAN		
	Acanthaceae	Họ Ô rô		
37	<i>Acanthus ebracteatus</i> L.	Ô rô	Tm	x
38	<i>Pseuderanthemum crenulatum</i> (Lindl.) R.Ben.	Trang đất, Xuân hoa thon	Co	
39	<i>Ruellia tuberosa</i> L.	Trái nỏ, Nỏ	Co	x
40	<i>Thunbergia laurifolia</i> Lindl.	Cát đằng thon	Đl	x
	Anacardiaceae	Họ Đào lộn hột		
41	<i>Anacardium occidentale</i> L.	Đào lộn hột, Điều	Gn	x
42	<i>Mangifera indica</i> L.	Xoài	Gl	x
43	<i>Semecarpus cochinchinensis</i> Engl.	Sung Nam bộ	Gn	
44	<i>Spondias pinnata</i> (Koenig & L.f.) Kutz	Cóc rừng	Gn	x
	Annonaceae	Họ Na		
45	<i>Annona glabra</i> L.	Bình bát	Tm	x
46	<i>Annona muricata</i> L.	Mãng cầu Xiêm	Gn	x
47	<i>Cananga odorata</i> (Lamb.) Hook.f. & Thoms.	Ngọc lan tây, Cây công chúa	Gl	x
48	<i>Uvaria dac</i> Pierre ex Fin & Gagn.	Bồ quả Đac	Tm	
	Apocynaceae	Họ Trúc đào		
49	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br.	Mò cua, Sữa	Gl	x
50	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G. Don	Bông dứa, Dừa cạn	Co	x
51	<i>Plumeria obtusum</i> L.	Đại lá tà	Tm	
52	<i>Plumeria rubra f acutifolia</i> (Ait.) Woods	Sứ cùi, Đại	Tm	x
	Asteraceae	Họ Cúc		
53	<i>Eupatorium odoratum</i> L.	Yên bạch, Cỏ hôi	Co	x
54	<i>Pluchea indica</i> (L.) Lees	Lá Lức, Lức Ấn, Cúc tần	Co	x
	Bignoniaceae	Họ Đinh (Núc nác)		
55	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Vent	Núc nác	Gl	x
	Bombacaceae	Họ Gòn gạo		

56	<i>Ceiba pentandra</i> (L.) Gaertn	Gòn ta	Gl	x
57	<i>Durio zibethinus</i> Murr.	Sầu riêng	Gn	
	Boraginaceae	Họ Vòi voi		
58	<i>Carmone microphylla</i> (Lam.) Don.	Cùm rùm	Co	
	Burseraceae	Họ Trám		
59	<i>Canarium littorane var rufum</i> (Been.) Leenh.	Trám nâu, Trám duyên hải	Gn	
	Caesalpinioideae	Họ Phụ điệp		
60	<i>Afzelia xylocarpa</i> (Kurz.) Craib	Gỗ đỏ, Gỗ cà te	Gl	x
61	<i>Bauhinia ornata var balansae</i> (Gagn.) K. & S.S. Lars.	Mẫu đỏ, Gổ	Dl	
62	<i>Caesalpinia pulcherrima</i> (L.) Sw.	Điệp ta, Điệp cúng, Kim phượng	Tm	
63	<i>Cassia grandis</i> L.f.	Ô môi	Gn	x
64	<i>Delonix regia</i> (Hook.) Raf.	Phượng	Gn	x
65	<i>Tamarindus indica</i> L.	Me	Gl	x
	Capparaceae	Họ Mần mần (Cáp)		
66	<i>Capparis micrantha subsp. korthalsiana</i> (Miq.) Jacob	Cáp gai nhỏ	Tm	
67	<i>Cleome viscosa</i> L.	Màng màng vàng, Màng màng trăn	Co	x
	Caricaceae	Họ Đu đủ		
68	<i>Carica papaya</i> L.	Đu đủ		
	Clusiaceae	Họ Măng cụt (Bứa)		
69	<i>Garcinia</i> sp	Bứa	Gn	
	Combretaceae	Họ Bàng		
70	<i>Combretum quadrangulare</i> Kurz	Churn bầu	Gn	x
71	<i>Quisqualis indica</i> L.	Sứ quân tử, Dây giun	Dl	x
72	<i>Terminalia triptera</i> Stapf.	Chiêu liêu nghệ	Gl	x
	Convolvulaceae	Họ Khoai lang		
73	<i>Argyreia capitata</i> (Vahl) Choisy	Thảo bạc đầu	Dl	
74	<i>Ipomoea macrantha</i> Roem. & Schult.	Bìm hoa to	Co	x
75	<i>Ipomoea obscura</i> (L.) Ker.-Gawl.	Bìm mờ	Co	x
76	<i>Ipomoea quamoclit</i> L.	Tóc tiên	Co	x
77	<i>Jacquemontia paniculata</i> (Burm. f.) Hall. f.	Bìm trắng	Dl	
78	<i>Merremia vitifolia</i> (Burm. f.) Hall. f	Bìm lá nho	Dl	x
79	<i>Operculina turpethum</i> (L.) Manso	Bìm nắp	Dl	x
	Crassulaceae	Họ Thuốc bỏng		
80	<i>Kalanchoe integra var chevalieri</i> Gagn	Trường sanh Chevalier	Co	
81	<i>Kalanchoe pinnata</i> (Lamk.) Oken	Trường sanh lông chim, Thuốc phỏng	Co	x
	Cucurbitaceae	Họ Bầu bí		
82	<i>Coccinia grandis</i> (L.) Voigt	Dây Bát	Dl	x
	Dipterocarpaceae	Họ Dầu		
83	<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb.	Dầu con rái	Gl	
84	<i>Dipterocarpus dyeri</i> Pierre	Dầu song năng	Gl	
85	<i>Hopea helferi</i> (Dyer) Brandis	Sao xanh	Gl	
86	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen	Gl	
87	<i>Parashorea stellata</i> Kurz	Chò chỉ, Chò đen	Gl	

88	<i>Shorea roxburghii</i> G.Don	Sến mù, Sến cát, Sến đỏ	Gl	
89	<i>Shorea siamensis</i> Miq.	Cầm liên, Cà chắc xanh	Gl	
	Ebenaceae	Họ Thị		
90	<i>Diospyros montana</i> Roxb	Thị núi, Nhôn	Gn	x
91	<i>Diospyros latisepala</i> Ridl.	Thị lá dài rộng	Gn	
	Elaeocarpaceae	Họ Côm		
92	<i>Elaeocarpus harmandii</i> Pierre	Côm Harmand	Gn	
	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu		
93	<i>Antidesma ghaesembilla</i> Gaertn.	Chòi mòi, Chua mòi	Gn	
94	<i>Antidesma japonica</i> Sibe & Zucc.	Sang sé, Cứt sát, Chòi mòi	Gn	
95	<i>Baccaurea ramiflora</i> Lour.	Dâu ta	Gn	
96	<i>Breynia vitis-idaea</i> (Burm. f.) C.E.C. Fischer	Cù đề	Co	x
97	<i>Claoxylon indicum</i> (Bl.) Endl.ex Hassk.	Bồ lột, Mọ trắng, Lộc mại	Tm	x
98	<i>Cleidion spiciflorum</i> (Burm.f.) Merr.	Cơm gào, Mỏ chim, Đầu chó	Gn	x
99	<i>Excoecaria agallocha</i> L.	Giá	Gn	
100	<i>Mallotus glabriusculus</i> (Kurz) Pax & Hoffm	Ruối không lông	Tm	
101	<i>Mallotus oblongifolius</i> (Miq.) Muell.-Arg.	Ruối tròn dài, Chóc móc, Cám heo	Tm	
102	<i>Mallotus philippensis</i> (Lamk.) Muell.-Arg.	Ba chia, Rùm nao, Thuốc Sán	Tm	x
103	<i>Ricinus communis</i> L.	Thầu dầu	Tm	x
104	<i>Sauropus androgynus</i> (L.) Merr.	Bồ ngót	Co	x
105	<i>Sauropus villosus</i> (Blco) Merr.	Bồ ngót lông	Co	
106	<i>Suregada multiflora</i> (Juss.) H. Baill.	Cổ ngỗng, Kén	Gn	
	Irvingiaceae	Họ Cây		
107	<i>Irvingia malayana</i> Oliv. ex Benn.	Cây, Kơ nia	Gl	x
	Lauraceae	Họ Long não		
108	<i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) Rob.	Bời lời nhót	Gn	x
109	<i>Persea americana</i> Mill.	Bơ	Gn	
110	<i>Persea mollis</i> (W. W. Sm.) Kost.	Kháo mềm	Gn	
	Lecythidaceae	Họ Lộc vừng		
111	<i>Barringtonia asiatica</i> (L.) Kurz	Bàng vuông, Chiếc bàng	Gn	
	Leeaceae	Họ Gối hạc		
112	<i>Leea indica</i> (Burm. f.) Merr	Củ rối Ấn, Kim lê	Tm	x
	Loganiaceae	Họ Mã tiền		
113	<i>Fagraea ceilanica</i> Thunb	Trai tích lan, Lậu bình	Tm	x
114	<i>Fagraea crenulata</i> Maingay ex Cl.	Bàng nước	Gl	
	Lythraceae	Họ Tử vi (Bằng lăng)		
115	<i>Lagerstroemia floribunda</i> Jack	Bằng lăng nhiều hoa	Gn	
	Malvaceae	Họ Bông		
116	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet	Cối xay, Ma mảnh	Co	x
117	<i>Hibiscus rosa-sinensis</i> L.	Bụp, Râm bụp	Tm	x
118	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L.	Bụp Giấm, Đay Nhật	Co	x
119	<i>Hibiscus schizopetalus</i> (Mast.) Hook. f.	Bụp rìa, Bụp lồng đèn	Tm	
120	<i>Hibiscus tiliaceus</i> L.	Bụp tra, Tra làm chèo	Gn	x
121	<i>Thespesia populnea</i> (L.)Soland.ex Correa	Tra lâm vồ, Tra bồ đề	Gn	x

122	<i>Urena lobata</i> L.	Ké hoa đào, Phan thiên hoa	Tm	x
	Melastomataceae	Họ Mua		
123	<i>Melastoma affine</i> D.Don	Muôi đa hùng	Co	x
	Meliaceae	Họ Xoan		
124	<i>Azadiracta indica</i> Juss. f.	Sầu đâu	Gn	x
125	<i>Melia azedarach</i> L.	Xoan	Gn	x
	Menispermaceae	Họ Tiết dê		
126	<i>Stephania japonica</i> var <i>discolor</i> (Bl.) Forman	Dây mối, Lỗi tiền, Thiên kim đằng	Dl	x
	Mimosoideae	Họ Phụ Trinh nữ		
127	<i>Acacia farnesiana</i> (L.) Wild	Keo thơm	Tm	x
128	<i>Albizia falcataria</i> (L.) Fosb.	Hợp hoan hình phăng	Gl	
129	<i>Leucaena leucocephala</i> (Lamk.) de Wit.	Keo giậu, Bình linh, Bọ chết	Tm	x
130	<i>Mimosa pudica</i> L.	Trinh nữ, Mắc cỡ	Co	x
131	<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) Taubert	Cắm xe, Cắm xe	Gl	x
	Moraceae	Họ Dâu tằm		
132	<i>Artocarpus altilis</i> (Park.) Fosb	Xa kê	Gl	x
133	<i>Artocarpus heterophyllus</i> Lamk.	Mít	Gl	
134	<i>Artocarpus melinoxyla</i> Gagn.	Mít gỗ mật	Gn	
135	<i>Artocarpus nitida</i> subsp <i>lignanensis</i> (Merr.) Jarr.	Mít nài, Chay lá láng	Gl	
136	<i>Ficus bengalensis</i> L.	Da xoan	Gl	x
137	<i>Ficus callosa</i> Willd.	Đa chai, Sung chai	Gn	
138	<i>Ficus cyrtophylla</i> Wall. ex Miq	Sung lá cong	Tm	
139	<i>Ficus depressa</i> Bl.	Sung xoài, Sung lũng, Da nước	Gn	
140	<i>Ficus drupacea</i> Thunb.	Sung nhân	Gn	
141	<i>Ficus formosana</i> Maxim.	Sung Đài loan	Tm	
142	<i>Ficus fulva</i> Reinw. ex Bl	Ngái vàng, Ngái lông	Gn	
143	<i>Ficus racemosa</i> var. <i>racemosa</i> L.	Sung	Gl	
144	<i>Ficus religiosa</i> L.	Bồ đề	Gl	x
145	<i>Ficus rumphii</i> L.	Lâm vồ, Da mít	Gn	
146	<i>Ficus tinctoria</i> subsp. <i>gibbosa</i> (Bl.) Corner	Sung bầu	Tm	x
147	<i>Ficus variegata</i> var <i>variegata</i> Bl.	Sung trổ	Gn	
148	<i>Streblus asper</i> Lour	Duối nhám	Gn	x
	Muntingiaceae	Họ Trúng cá		
149	<i>Muntingia calabura</i> L.	Trúng cá, Mật sâm	Tm	x
	Myrtaceae	Họ Sim		
150	<i>Eucalyptus</i> sp	Bạch đàn, Khuynh diệp	Gl	
151	<i>Syzygium cumini</i> (L.) Druce	Trâm vôi	Gl	
	Ochnaceae	Họ Mai vàng		
152	<i>Ochna integerrima</i> (Lour.) Merr.	Mai, Huỳnh mai	Gn	x
	Orobanchaceae	Họ Lệ dương		
153	<i>Aeginetia indica</i> (L.) Roxb.	Tai đất ẩn, Lệ dương, Dã cô	Ks	x
	Papilionoideae	Họ Phụ Đậu		
154	<i>Abrus precatorius</i> L.	Cườm thảo đỏ, Tương tư	Dl	x
155	<i>Cajanus cajan</i> (L.) Mills	Đậu sắng, Đậu chiều	Tm	x

156	<i>Canavalia cathartica</i> Du Petit-Thouars	Đậu cô biển	Dl	x
157	<i>Derris trifolia</i> Lour.	Cóc kèn, Cóc kèn nước	Dl	x
158	<i>Erythrina variegata</i> L.	Vông nem	Gl	x
159	<i>Indigofera hirsuta</i> L.	Chàm lông	Co	x
160	<i>Mucuna nigricans</i> (Lour.) Steudel	Mắc mẻo đen	Dl	
161	<i>Pachyrhizus erosus</i> (L.) Urban	Sắn rừng	Dl	x
162	<i>Vigna unguiculata</i> subsp. <i>cylindrica</i> (L.) Verdc.	Đậu đen	Co	x
	Passifloraceae	Họ Lạc tiên		
163	<i>Passiflora foetida</i> L.	Nhãn lồng	Co	x
	Piperaceae	Họ Hồ tiêu		
164	<i>Piper chaudiocanum</i> C. DC.	Tiêu Châu Đốc	Dl	x
165	<i>Piper lolot</i> C. DC.	Lá lốt	Co	x
	Rhamnaceae	Họ Táo ta		
166	<i>Zizyphus cambodiana</i> Pierre	Táo Cambot	Tm	
	Rhizophoraceae	Họ Đước		
167	<i>Bruguiera cylindrica</i> (L.) Blume	Vẹt trụ, Vẹt khang	Gl	
168	<i>Bruguiera sexangula</i> (Lour.) Poir.in Lamk.	Vẹt đen	Gl	
169	<i>Carallia brachiata</i> (Lour.) Merr.	Xăng mã chẻ, Trúc tiết	Gl	x
170	<i>Rhizophora apiculata</i> Bl.	Đước, Đước đôi	Gl	x
171	<i>Rhizophora mucronata</i> Poir. in Lamk.	Đước nhọn, Đước xanh, Đưng	Gn	x
	Rubiaceae	Họ Cà phê		
172	<i>Canthium glabrum</i> Bl.	Căng không lông	Tm	
173	<i>Ixora coccinea</i> var <i>compata</i> Pierre ex Pit	Trang lùn	Tm	
174	<i>Ixora duffii</i> T. Moore	Trang đỏ, Trang to	Tm	
175	<i>Ixora stricta</i> Roxb.	Trang vàng	Tm	
176	<i>Morinda citrifolia</i> var <i>bracteata</i> Hook.f	Nhàu	Gn	x
177	<i>Nauclea orientalis</i> (L.) L	Gáo vàng, Cốc độ	Gl	x
178	<i>Paederia consimilis</i> Pierre ex Pit.	Mơ Cát Tiên, Thúi đệt	Dl	x
	Rutaceae	Họ Cam		
179	<i>Citrus aurantifolia</i> (Christm. & Panz.) Sw.	Chanh	Tm	x
180	<i>Citrus grandis</i> var <i>grandis</i> (L.) Osb	Bưởi	Gn	
	Sapindaceae	Họ Bồ hòn		
181	<i>Dimocarpus fumatus</i> subsp. <i>indochinensis</i> Leenh	Nhãn rừng	Gn	
182	<i>Dimocarpus longan</i> Lour.	Nhãn	Gn	x
183	<i>Schleichera oleosa</i> (Lour.) Oken.	Dầu dầu	Gl	x
184	<i>Xerospermum noronhianum</i> (Bl.) Bl	Trường	Gn	
	Sapotaceae	Họ Hồng xiêm		
185	<i>Chrysophyllum cainito</i> L.	Vú sữa	Gl	x
186	<i>Manilkara zapota</i> (L.) P.Royen	Xa bô chê, Hồng xiêm	Gn	x
187	<i>Pouteria campechiana</i> (Kunth) Beahni	Trúng gà, Lêkima	Gn	
	Solanaceae	Họ Cà		
188	<i>Capsicum frutescens</i> L.	Ớt	Co	
189	<i>Physalis angulata</i> L.	Thù lù	Co	x
190	<i>Solanum torvum</i> Swartz	Cà gai hoa trắng	Co	x

	Sonneratiaceae	Họ Bần		
191	<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engl.	Bần chua	Gn	x
	Sterculiaceae	Họ Trôm		
192	<i>Byttneria echinata</i> Wall.	Bích nữ gai	Tm	
193	<i>Heritiera littoralis</i> Dryand	Cui	Gl	x
194	<i>Heritiera macrophylla</i> Wall.	Cui lá to	Gn	
195	<i>Sterculia foetida</i> L.	Trôm hôi	Gl	x
196	<i>Sterculia hypochrea</i> Pierre	Trôm quạt	Gl	x
	Styracaceae	Họ Bò đề		
197	<i>Styrax annamensis</i> Guill.	An tức Trung bộ	Gn	
	Tiliaceae	Họ Đay		
198	<i>Grewia tomentosa</i> Roxb. ex DC.	Cò ke	Gn	x
	Ulmaceae	Họ Du		
199	<i>Trema politoria</i> (Pl.) Blume	Hu đay nhãn, Trần mai	Tm	
	Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa		
200	<i>Avicennia alba</i> Bl.	Mắm lười đồng, Mắm trắng	Gn	
201	<i>Clerodendrum inerme</i> (L.) Gaertn.	Ngọc nữ biển, Chùm gọng	Co	x
202	<i>Clerodendrum paniculatum</i> L.	Ngọc nữ đỏ	Co	x
203	<i>Lantana camara</i> L.	Thơm ổi, Trăm ổi	Co	x
204	<i>Stachytarpheta jamaicensis</i> (L.) Vahl	Hải tiên, Đuôi chuột	Co	x
205	<i>Tectona grandis</i> L. f.	Giá ty, Tếch	Gl	x
206	<i>Vitex canescens</i> Kurz	Ba gạc, Bình linh	Gl	
207	<i>Vitex negundo</i> L.	Ngũ trảo	Gn	x
	Vitaceae	Họ Nho		
208	<i>Ampelocissus arachnoidea</i> Pl in DC	Hồ nho nhện	Dl	
209	<i>Ampelocissus harmandii</i> Pl.	Hồ nho Harmand	Dl	
210	<i>Cayratia trifolia</i> (L.) Domino	Vác	Dl	x
211	<i>Tetrastigma quadridens</i> Pl.	Tứ thư 4 răng	Dl	

PHỤ LỤC 2: DANH LỤC CÁC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ HIỂM

TT	Tên khoa học	Tên thông thường	Mức đe dọa
1	<i>Afzelia xylocarpa</i>	Gỗ đỏ, Cà te	EN
2	<i>Drynaria fortunei</i>	Ráng đuôi phụng Fortune, Cốt toái	EN
3	<i>Aeginetia indica</i>	Tai đất ấn, Lệ dương, Dã cô	VU
4	<i>Barringtonia asiatica</i>	Bàng vuông, Chiếc bàng	VU
5	<i>Dipterocarpus dyeri</i>	Dầu song nàng	VU
6	<i>Tacca palmata</i>	Nưa chân vịt	VU

PHỤ LỤC 3: THÀNH PHẦN THỰC VẬT THEO DẠNG SỐNG

TT	Dạng sống	Ký hiệu	Họ	Giống	Loài
	<i>Tầng cây gỗ</i>				95
1	Gỗ lớn	Gl	21	33	42
2	Gỗ nhỏ	Gn	27	42	51
3	Thân cột	Tc	1	2	2
	<i>Tầng cây bụi và thảm tươi</i>				87
4	Tiểu mộc	Tm	19	25	33
5	Cỏ	Co	24	35	41
6	Địa thực vật	Đtv	6	11	11
7	Thân giả	Thg	1	1	1
8	Thân ngầm	Thng	1	1	1
	<i>Thực vật ngoại tầng</i>				28
9	Dây leo	Dl	14	23	25
10	Ký sinh	Ks	1	1	1
11	Phụ sinh	Ps	1	1	2
12	<i>Thực vật thủy sinh</i>	Ths	1	1	1
	Tổng				211

PHỤ LỤC 4: THÀNH PHẦN THỰC VẬT CÓ DƯỚI TÍNH

TT	Dạng sống	Ký hiệu	Họ	Giống	Loài
	Tầng cây gỗ				48
1	Gỗ lớn	Gl	18	23	25
2	Gỗ nhỏ	Gn	18	22	22
3	Thân cột	Tc	1	1	1
	Tầng cây bụi và thảm tươi				54
4	Tiểu mộc	Tm	12	16	16
5	Cỏ	Co	19	26	29
6	Địa thực vật	Đtv	5	8	8
7	Thân giả	Thg	1	1	1
	Thực vật ngoại tầng				18
8	Dây leo	Dl	11	15	15
9	Ký sinh	Ks	1	1	1
10	Phụ sinh	Ps	1	1	2
	Tổng				120

PHỤ LỤC 5: DANH LỤC CÁC LOÀI CÂY TRỒNG BỔ SUNG TRONG TRUNG TÂM CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ HÒN ME

TTL	Tên thông thường	Tên la tinh
1	Bằng lăng ổi	<i>Lagerstroemia crispa</i> Pierre ex Lan.
2	Bời lời nhót	<i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) Rob.
3	Cắm liên, Cà chác xanh	<i>Shorea siamensis</i> Miq.
4	Cắm xe, Cẩm xe	<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) Taubert
5	Chò chỉ, Chò đen	<i>Parashorea stellata</i> Kurz
6	Dầu con rái	<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb.
7	Dầu song nạng	<i>Dipterocarpus dyeri</i> Pierre
8	Gía ty, Tếch	<i>Tectona grandis</i> L. f.
9	Gỗ đỏ, Gỗ cà te	<i>Afzelia xylocarpa</i> (Kurz.) Craib
10	Mít nài, Da xốp	<i>Artocarpus rigida subsp asperulus</i> (Gagn.) Jarr
11	Sao đen	<i>Hopea odorata</i> Roxb.
12	Sao xanh	<i>Hopea helferi</i> (Dyer) Brandis
13	Sến mù, Sến cát, Sến đỏ	<i>Shorea roxburghii</i> G.Don

PHỤ LỤC 6: DANH LỤC THỰC VẬT NGOẠI LAI

TT	Tên khoa học	Tên thông thường	Họ	Sinh dạng
1	<i>Ruellia tuberosa</i>	Trái nỏ, Nỏ	Acanthaceae	Co
2	<i>Hymenocallis littoralis</i>	Huệ chân vịt, Bạch trinh biển	Amaryllidaceae	Đtv
3	<i>Anacardium occidentale</i>	Đào lộn hột, Điều	Anacardiaceae	Gn
4	<i>Annona glabra</i>	Bình bát	Annonaceae	Tm
5	<i>Annona muricata</i>	Mãng cầu Xiêm	Annonaceae	Gn
6	<i>Catharanthus roseus</i>	Bông dừa, Dừa cạn	Apocynaceae	Co
7	<i>Plumeria obtusum</i>	Đại lá tà	Apocynaceae	Tm
8	<i>Plumeria rubra f acutifolia</i>	Sứ cùi, Đại	Apocynaceae	Tm
9	<i>Borassus flabellifer</i>	Thốt nốt	Arecaceae	Gl
10	<i>Normanbya normanbyi</i>	Cau đuôi chồn	Arecaceae	Tc
11	<i>Eupatorium odoratum</i>	Yên bạch, Cỏ hôi	Asteraceae	Co
12	<i>Ceiba pentandra</i>	Gòn ta	Bombacaceae	Gl
13	<i>Durio zibethinus</i>	Sầu riêng	Bombacaceae	Gn
14	<i>Caesalpinia pulcherrima</i>	Điệp ta, Điệp cúng, Kim phượng	Caesalpinioideae	Tm
15	<i>Cassia grandis</i>	Ô môi	Caesalpinioideae	Gn
16	<i>Delonix regia</i>	Phượng	Caesalpinioideae	Gn
17	<i>Tamarindus indica</i>	Me	Caesalpinioideae	Gl
18	<i>Cleome viscosa</i>	Màng màng vàng, Màng màng trăn	Capparaceae	Co
19	<i>Carica papaya</i>	Đu đủ	Caricaceae	Tm
20	<i>Combretum quadrangulare</i>	Chun bầu	Combretaceae	Gn
21	<i>Quisqualis indica</i>	Sử quân tử, Dây giun	Combretaceae	Dl
22	<i>Ipomoea quamoclit</i>	Tóc tiên	Convolvulaceae	Co
23	<i>Kalanchoe pinnata</i>	Trường sanh lông chim, Thuốc phỏng	Crassulaceae	Co
24	<i>Ricinus communis</i>	Thầu dầu	Euphorbiaceae	Tm
25	<i>Hibiscus rosa-sinensis</i>	Bụp, Râm bụp	Malvaceae	Tm
26	<i>Hibiscus sabdariffa</i>	Bụp Giấm, Đay Nhật	Malvaceae	Co
27	<i>Hibiscus schizopetalus</i>	Bụp rìa, Bụp lông đèn	Malvaceae	Tm
28	<i>Azadiracta indica</i>	Sầu đâu	Meliaceae	Gn
29	<i>Acacia farnesiana</i>	Keo thơm	Mimosoideae	Tm
30	<i>Leucaena leucocephala</i>	Keo giậu, Bình linh, Bọ chết	Mimosoideae	Tm
31	<i>Mimosa pudica</i>	Trinh nữ, Mắc cỡ	Mimosoideae	Co
32	<i>Artocarpus altilis</i>	Xa kê	Moraceae	Gl
33	<i>Artocarpus heterophyllus</i>	Mít	Moraceae	Gl

34	<i>Muntingia calabura</i>	Trứng cá, Mật sâm	Muntingiaceae	Tm
35	<i>Cajanus cajan</i>	Đậu sắng, Đậu chiều	Papilionoideae	Tm
36	<i>Pachyrhizus erosus</i>	Sắn rừng	Papilionoideae	Dl
37	<i>Passiflora foetida</i>	Nhân lông	Passifloraceae	Co
38	<i>Eichhornia crassipes</i>	Lục bình, Bèo tây	Pontederiaceae	Ths
39	<i>Chrysophyllum cainito</i>	Vú sữa	Sapotaceae	Gl
40	<i>Manilkara zapota</i>	Xa bô chê, Hồng xiêm	Sapotaceae	Gn
41	<i>Pouteria campechiana</i>	Trứng gà, Lêkima	Sapotaceae	Gn
42	<i>Capsicum frutescens</i>	Ớt	Solanaceae	Co
43	<i>Physalis angulata</i>	Thù lù	Solanaceae	Co
44	<i>Lantana camara</i>	Thơm ổi, Trăm ổi	Verbenaceae	Co
45	<i>Stachytarpheta jamaicensis</i>	Hải tiên, Đuôi chuột	Verbenaceae	Co
46	<i>Tectona grandis</i>	Giá ty, Tách	Verbenaceae	Gl

PHỤ LỤC 7: BẢNG TRA CỨU TÊN LOÀI THEO TIẾNG VIỆT

Ba gạc, Bình linh.....	49	Đậu đen.....	49
Bạch đàn, Khuynh diệp	18	Đậu sắng, Đậu chiều.....	9
Bần chua.....	42	Dâu ta.....	7
Bằng lăng nhiều hoa	28	Dây bá.....	41
Bàng nước.....	19	Dây Bát.....	14
Bàng vuông, Chiếc bàng.....	8	Dây mối, Lối tiền, Thiên kim đằng	43
Bìm hoa to	25	Dong gié	42
Bìm lá nhỏ	31	Dừa	16
Bìm mờ.....	25	Dừa nước, Dừa lá.....	34
Bìm nắp	35	Đủng đỉnh	11
Bìm trắng	27	Đước nhọn, Đước xanh, Đung	40
Bình bát	4	Đước, Đước đôi	39
Bồ đề.....	21	Duối nhám	44
Bồ ngót	41	Gáo vàng, Cốc độ	33
Bồ ngót lông	41	Giá	18
Bồ quả Đạc	49	Giá ty, Téch	46
Bời lời nhót.....	29	Gòn ta	12
Bông dừa, Dừa cạn	11	Gùng gió, Ngải xanh	50
Bưởi	13	Hải tiên, Đuối chuột.....	43
Bụp Giấm, Đay Nhật	23	Hồ nho nhện.....	4
Bụp rìa, Bụp lông đèn.....	23	Hợp hoan hình phăng.....	3
Bụp tra, Tra làm chèo	24	Hu đay nhẵn, Trần mai	48
Bụp, Râm búp.....	23	Huệ chân vịt, Bạch trinh biển	24
Cà gai hoa trắng.....	42	Ké hoa đào, Phan thiên hoa	48
Cánh kiến, Thuộc Sán.....	30	Keo giậu, Bình linh, Bọ chét	29
Cát đằng thon.....	48	Keo thơm	1
Cát lồi, Mía dò.....	15	Khoai nưa, Nưa trồng	3
Cau đuôi chồn.....	34	Lá lốt.....	37
Cây, Kơ nia.....	26	Lá Lức, Lức Ấn, Cúc tần	37
Chàm lông	25	Lâm vồ, Da mít.....	21
Chanh	13	Lục bình, Bèo tây.....	17
Chiêu liêu nghệ.....	47	Mắc mẻo đen	32
Chòi mòi, Chua mòi	5	Mai, Huỳnh mai	34
Chun bầu.....	15	Mắm lưỡi đồng, Mắm trắng.....	7
Chuối rừng, Chuối hoang nhọn	33	Màng màng vàng, Màng màng trăn	13
Cò ke.....	22	Me.....	46
Cổ ngỗng, Kén.....	44	Mít	6
Cóc rừng	46	Mít gỗ mật	6
Cù đề.....	8	Mít nài, Chay lá láng	6
Củ nưa, Bạch tinh, Mì tinh	45	Mơ Cát Tiên, Thúi đẹt.....	36
Củ rổi Ấn, Kim lê	28	Muôi đa hùng.....	31
Cui	22	Ngọc lan tây, Cây công chúa.....	10
Cùm rùm.....	10	Ngọc nữ biển, Chùm gọng.....	14
Cùm thảo đỏ, Tương tư	1	Ngọc nữ đỏ	14
Đa chai, Sung chai	20	Ngót ngoẻo, Huệ lông đèn.....	22
Đại lá tà.....	37	Ngũ trảo	50
Đại tướng quân, Tỏi lợi tía	16	Nhân lồng	36
Đào lộn hột, Điều	4	Nhàu.....	32
Dầu con rái	17	Nưa chân vịt.....	45

Núc nác.....	35	Trái nỏ, Nổ.....	40
Ô môi.....	11	Trai thường, Thái lái.....	15
Ô rô to.....	1	Trai tích lan, Lậu bình.....	19
Ráng đuôi phụng lá sồi.....	17	Trâm với.....	45
Ráng nguyệt xỉ suốt.....	2	Trang đất, Xuân hoa thon.....	39
Ráy.....	3	Trang đỏ, Trang to.....	27
Ráy leo.....	38	Trang lùn.....	26
Ruồi không lông.....	29	Trang vàng.....	27
Sa nhân cóc, Đồ ho.....	3	Trình nữ, Mắc cỡ.....	32
Sấn rừng.....	35	Trôm hôi.....	43
Sao đen.....	24	Trôm quạt.....	44
Sầu đầu.....	7	Trúng cá, Mật sâm.....	33
Sứ cùi, Đại.....	38	Trúng gà, Lêkima.....	38
Sử quân tử, Dây giun.....	39	Trường.....	50
Sung.....	20	Tứ thư 4 răng.....	47
Sung bầu.....	19	Udu tia, Lác tia.....	16
Sung nhân.....	20	Vác.....	12
Sung trở.....	21	Vệt đen.....	9
Tai đất ấn, Lệ đương, Dã cô.....	2	Vệt trụ, Vệt kang.....	9
Thảo bạc đầu.....	5	Vú sữa.....	12
Thầu dầu.....	40	Xa bò chê, Hồng xiêm.....	30
Thơm ổi, Trăm ổi.....	28	Xa kê.....	5
Thốt lốt.....	8	Xăng mã chẻ, Trúc tiết.....	10
Thù lù.....	36	Xoài.....	30
Tóc tiên.....	26	Xoan.....	31
Tra lâm vồ, Tra bò đề.....	47	Yên bạch, Cỏ hôi.....	18